



Annual Report

Báo cáo thường niên

2010



Mục lục

DẤU ẤN NĂM 2010	04
THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	06
LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG	08
SỨ MỆNH - TẦM NHÌN - MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC	10
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN 5 NĂM (2006 - 2010)	12
GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO	14
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	16
Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010	18
Phương hướng, nhiệm vụ và chỉ tiêu tài chính năm 2011	20
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	22
Nhận định thị trường năm 2010	24
Kết quả hoạt động, kinh doanh trong năm	24
THÔNG TIN VỀ CÔNG TY TRỰC THUỘC	32
CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO	34
Quản trị rủi ro thị trường và thanh khoản	36
Quản trị rủi ro tín dụng	36
Quản trị rủi ro hoạt động	37
CÔNG TÁC QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH	38
Cơ cấu tổ chức	39
Hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	40
Chính sách nhân sự	41
Cơ chế trả thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	41
Thay đổi nhân sự chủ chốt trong năm	41
THÔNG TIN CỔ ĐÔNG	42
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010	46
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	48
Báo cáo kiểm toán độc lập	50
Bảng cân đối kế toán	51
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán	53
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	54
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	55
Thuyết minh báo cáo tài chính 2010	57
DANH SÁCH NGÂN HÀNG ĐẠI LÝ	158
HỆ THỐNG MẠNG LƯỚI	165



Contents

2010 MILESTONES	70
MESSAGE TO OUR INVESTORS	72
A BRIEF HISTORY	74
OUR STRATEGIC OBJECTIVES	76
2006-2010 FINANCIAL HIGHLIGHTS	78
HABUBANK LEADERS	80
REPORTS BY THE BOARD OF DIRECTORS	82
2010 Business Overview	84
2011 Mission and Financial Targets	86
REPORTS BY THE BOARD OF MANAGEMENT	88
2010 Market Overview	90
2010 Business Results	90
SUBSIDIARY INFORMATION	98
RISK MANAGEMENT	100
Market and Liquidity Risk Management	102
Credit Risk Management	102
Operational Risk Management	103
ORGANIZATIONAL MANAGEMENT	104
Organizational Chart	105
Activities of Board of Directors and Supervisory Board	106
Human Resources Policies	107
Remuneration for the Board of Directors and Supervisory Board	107
Changes in Board of Management	107
SHAREHOLDERS' INFORMATION	108
FINANCIAL REPORTS 2010	112
Report of the Board of Directors	114
Independent Auditors' Report	116
Consolidated Balance Sheet	117
Off - Balance Sheet Items	119
Consolidated Income Statement	120
Consolidated Statement of Cash Flows	121
Notes to the Consolidated Financial Statements	123
HABUBANK - LIST OF CORRESPONDENT BANKS	158
BRANCH NETWORK	165

Dấu ấn năm

2010



- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ XIX vào ngày 6/3/2010 và đạt được sự đồng thuận của các cổ đông về những phương án và nội dung quan trọng cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong năm 2010.
- Phát hành thành công 1.050 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi, 1.400 tỷ đồng trái phiếu thường và 1.800 tỷ đồng kỳ phiếu để bổ sung nguồn vốn trung dài hạn phục vụ cho các hoạt động kinh doanh.
- Niêm yết toàn bộ 300 triệu cổ phần lên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), mã cổ phiếu HBB, nâng cao uy tín của Ngân hàng, tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu HABUBANK, tăng tính minh bạch trong hoạt động quản trị, điều hành và kinh doanh, giúp các nhà đầu tư có thể chủ động trong việc quản lý tài sản của mình. Từ ngày lên sàn, cổ phiếu HABUBANK đã được các nhà đầu tư đón nhận và nằm trong Top các cổ phiếu thanh khoản tốt nhất trên sàn HNX.
- Khai trương 20 điểm giao dịch trên toàn quốc nâng tổng số điểm giao dịch trong hệ thống lên 70 điểm.
- Tăng cường hợp tác về phát triển sản phẩm, dịch vụ
 - Đối tác chiến lược Deutsche Bank cùng hợp tác với HABUBANK trong việc cung cấp các dịch vụ quản lý tiền mặt và tiếp tục phát triển Dịch vụ Tư vấn tài chính cá nhân.
 - Hợp tác với Công ty Bảo hiểm Bảo Việt trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ.
- Thay thế hệ thống quản lý phát hành và thanh toán thẻ ngân hàng, chính thức trở thành thành viên của tổ chức thẻ Visa.
 - Tháng 7/2010, sự kiện HABUBANK được công nhận là thành viên chính thức của tổ chức thẻ quốc tế VISA đã đánh dấu một bước phát triển mới cho dịch vụ thẻ HABUBANK.
 - Chủ thẻ HABUBANK VANTAGE có thể thực hiện giao dịch tại hơn 10.000 máy ATM trên toàn quốc thuộc 3 hệ thống thẻ VNBC, Banknetvn, Smartlink, mang lại thuận tiện hơn trong giao dịch không dùng tiền mặt.
- Bổ sung nghiệp vụ hoạt động
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có quyết định cho phép HABUBANK được bổ sung nội dung hoạt động dịch vụ đại lý bảo hiểm vào Giấy phép kinh doanh. Đây là định hướng của HABUBANK nhằm đa dạng hóa danh mục sản phẩm, dịch vụ và tăng nguồn thu cho Ngân hàng.
- Tích cực tham gia công tác xã hội, phát triển vì cộng đồng.
Năm 2010, HABUBANK tiếp tục tham gia các hoạt động mang tính văn hóa, xã hội, hướng về cộng đồng.
 - Tài trợ lễ khánh thành Con đường gốm sứ ven sông Hồng - công trình kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội.
 - Tham dự trong gian hàng triển lãm của Ngân hàng Nhà nước với tư cách là một trong những ngân hàng cổ phần đầu tiên của Việt Nam.
 - Tài trợ và tham gia cuộc chạy vì trẻ em. Trực tiếp đến các huyện, tỉnh miền Trung và trao quà cứu trợ cho các gia đình chịu thiệt hại nặng nề nhất sau trận lũ lịch sử. Hướng ứng tinh thần hiến máu nhân đạo trong "Ngày chủ nhật đỏ",
- Đạt nhiều giải thưởng trong nước
Trong năm 2010, HABUBANK vinh dự được đón nhận 13 bằng khen, giải thưởng của các tổ chức trong và ngoài nước, tiêu biểu là giải thưởng Sao vàng đất Việt, Thương hiệu mạnh Việt Nam, Thương mại dịch vụ Việt Nam, Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, Top 50 doanh nghiệp đóng thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, Sản phẩm An huy của HABUBANK được bình chọn là Sản phẩm tiêu biểu 1000 năm Thăng Long - Hà Nội và là 1 trong 200 sản phẩm được người tiêu dùng Thủ đô yêu thích.



Khai trương trụ sở mới Chi nhánh Hoàng Quốc Việt

Phát triển bền vững là nhiệm vụ trọng tâm

Kính thưa Quý cổ đông, Nhà đầu tư và các Khách hàng!

Mặc dù chịu nhiều tác động do các khó khăn và biến động trên thị trường trong nước và quốc tế, kết thúc năm 2010, HABUBANK vẫn duy trì được tăng trưởng, hiệu quả hoạt động của Ngân hàng và đặc biệt đã hoàn thành nhiệm vụ quan trọng nhất do Đại hội đồng cổ đông giao phó là niêm yết cổ phiếu HABUBANK với mã chứng khoán HBB tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) vào ngày 23/11/2010. Cổ phiếu HABUBANK đã được các nhà đầu tư trên thị trường đón nhận và là một trong những mã cổ phiếu thanh khoản tốt nhất trên sàn HNX.

Bên cạnh đó, HABUBANK đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh và các kế hoạch chính đã đề ra. Đó là:

- Hoàn thành việc phát hành 1.050 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi, 1.400 tỷ đồng trái phiếu thường để chuẩn bị cho lộ trình tăng vốn năm 2011 của Ngân hàng và bổ sung

nguồn vốn trung dài hạn, phát triển hoạt động kinh doanh;

- Tuân thủ các tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động của Ngân hàng. Cơ bản hoàn thành việc tổ chức lại hoạt động kinh doanh theo khối/mảng để nâng cao hiệu quả hoạt động và chất lượng sản phẩm dịch vụ cung cấp tới khách hàng;
- Cơ bản hoàn thành các dự án trong khuôn khổ chuyển giao kiến thức với đối tác chiến lược Deutsche Bank trong các mảng quản trị rủi ro hoạt động, quản trị rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng;
- Mở thêm 20 điểm giao dịch, nâng tổng số điểm giao dịch của Ngân hàng lên 70 điểm trên cả nước;
- Đẩy mạnh công tác phát triển sản phẩm mới, tổ chức lại công tác chăm sóc khách hàng và xúc tiến bán hàng trên cơ sở nhu cầu riêng biệt của từng phân đoạn khách hàng.

“

Mặc dù chịu nhiều tác động do các khó khăn và biến động trên thị trường trong nước và quốc tế, kết thúc năm 2010, HABUBANK vẫn duy trì được tăng trưởng, hiệu quả hoạt động của Ngân hàng và đặc biệt đã hoàn thành nhiệm vụ quan trọng nhất do Đại hội đồng cổ đông giao phó là niêm yết cổ phiếu HABUBANK với mã chứng khoán HBB tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) vào ngày 23/11/2010. Cổ phiếu HABUBANK đã được các nhà đầu tư trên thị trường đón nhận và là một trong những mã cổ phiếu thanh khoản tốt nhất trên sàn HNX.

”



Thành công của HABUBANK được kết tinh từ nhiều yếu tố. Đó là sự nhất quán từ việc xây dựng đường lối, chính sách đến việc thực thi kế hoạch, là sự quyết tâm theo đuổi chiến lược kinh doanh luôn cân bằng lợi nhuận với rủi ro, lấy mục tiêu phát triển bền vững làm trọng tâm, là sự chủ động trong công tác quản trị, là sự đoàn kết của tập thể cán bộ nhân viên. Và chắc chắn, vị thế của HABUBANK có được ngày hôm nay không thể được xây đắp nếu không có sự đồng hành, tin tưởng của các cổ đông, các nhà đầu tư và các khách hàng.

Bước vào năm 2011 với nhiều diễn biến phức tạp của nền kinh tế trong nước và quốc tế, với sự biến động của giá vàng và ngoại tệ, với việc điều chỉnh tăng tỷ giá ngoại tệ, tăng giá điện, xăng và một số mặt hàng thiết yếu, với chủ trương thắt chặt tín dụng và nâng lãi suất tái cấp vốn, lạm phát là hệ lụy tất yếu, khó

khăn và thách thức vẫn còn ở phía trước. Với kinh nghiệm 22 năm hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng và hệ thống quản trị rủi ro đã được hoàn thiện và củng cố trong hơn 2 năm vừa qua, HABUBANK tự tin có thể thích ứng với mọi biến đổi của môi trường kinh doanh, vượt qua mọi chông gai, trở ngại và sẵn sàng cho một chu kỳ phát triển mới.

Cuối cùng, thay mặt cho Hội đồng Quản trị, Ban điều hành, xin kính chúc Quý vị sức khỏe - hạnh phúc - thành đạt và mong tiếp tục nhận được nhiều hơn nữa sự ủng hộ của Quý vị.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Bảng

“

Là một trong những ngân hàng cổ phần đầu tiên của Việt Nam được thành lập thí điểm trong thời kỳ đổi mới của đất nước, sau 22 năm hoạt động HABUBANK đã mở rộng các lĩnh vực kinh doanh, trở thành ngân hàng thương mại cổ phần đa năng có truyền thống phát triển ổn định, an toàn và hiệu quả, hướng tới mục tiêu trở thành tập đoàn tài chính vững mạnh.

”

Thành lập
ngày 02 tháng 01
1989

Lịch sử hoạt động

HABUBANK vẫn được biết là một trong những ngân hàng cổ phần đầu tiên của Việt Nam được thành lập lập thí điểm từ những năm đầu của thời kỳ đổi mới đất nước. Sau 22 năm hoạt động, HABUBANK đã trải qua những giai đoạn khó khăn nhất cùng nền kinh tế cả nước trong tiến trình bước ra khỏi thời kỳ bao cấp để tiến đến một nền kinh tế thị trường. HABUBANK cũng dần bước ra khỏi sự hữu hạn từ kinh doanh nhà như mô hình ban đầu để trở thành một ngân hàng thương mại đa năng, có truyền thống phát triển ổn định, an toàn và hiệu quả, hướng tới mục tiêu trở thành một tập đoàn tài chính vững mạnh.

■ Năm 1988

HABUBANK được phép kinh doanh trên địa bàn Thành phố Hà Nội theo Quyết định số 6719/QĐ-UB ngày 02/01/1989.

■ Năm 1989

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Quyết định số 104/QĐ-NH5 cho phép thành lập “**Ngân hàng Phát triển Nhà Hà Nội**” gọi tắt là HABUBANK với số vốn điều lệ ban đầu 5 tỷ đồng, là ngân hàng chuyên doanh, được phép hoạt động trong 99 năm. HABUBANK là 1 trong những ngân hàng cổ phần đầu tiên của Việt Nam, được thành lập theo sáng kiến của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội, với các cổ đông ban đầu là Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, UBND TP Hà Nội, các Sở, ban ngành, công ty của Hà Nội và một số cổ đông thể nhân.

■ Năm 1992

Sau khi Pháp lệnh Ngân hàng và HTX Tín dụng ra đời, HABUBANK quyết định vượt qua sự hữu hạn của một ngân hàng chuyên doanh nhà để trở thành ngân hàng hoạt động đa năng, cung cấp các sản phẩm dịch vụ đa dạng cho khách hàng. HABUBANK cũng chính thức đổi tên thành Ngân hàng thương mại cổ phần Nhà Hà Nội và được Ngân hàng Nhà nước cho phép thực hiện một số hoạt động kinh doanh và làm dịch vụ ngân hàng bằng ngoại tệ, tiền gửi tiết kiệm, vay và tiếp nhận, cho vay, mua, bán, dịch vụ kiều hối, thanh toán ngoại tệ trong phạm vi lãnh thổ Việt nam.

■ Năm 1996

Thống đốc NHNN Việt Nam có quyết định số 123/QĐ-NH7 “cho phép HABUBANK được mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài” để được thực hiện hoạt động kinh doanh và thanh toán quốc tế.

■ Năm 2001

- Triển khai phần mềm quản lý Ngân hàng. Thực hiện quản lý xử lý dữ liệu tập trung, nối mạng online toàn hệ thống và chính thức trở thành thành viên hiệp hội S.W.I.F.T toàn cầu.

- Thống đốc NHNN Việt Nam chấp thuận cho NHTMCP nông thôn Quảng Ninh sáp nhập vào HABUBANK và HABUBANK được mở chi nhánh tại Quảng Ninh.

■ Năm 2005

- Thành lập Công ty chứng khoán HBBS. Với sự ra đời công ty chứng khoán, HABUBANK có thêm công cụ đầu tư hiệu quả trên thị trường vốn tuy mới phát triển nhưng nhiều tiềm năng. Rủi ro của hoạt động đầu tư được tách khỏi hoạt động ngân hàng thương mại.

- Thành lập Trung tâm thẻ và chính thức phát hành thẻ thanh toán với thương hiệu “HABUBANK Vantage” tới khách hàng.

- Gia nhập hệ thống liên minh thẻ, VNBC, kết nối hệ thống ATM của Ngân hàng tạo điều kiện phục vụ khách hàng tốt hơn với nhiều dịch vụ tiện ích do VNBC mang lại.

■ Năm 2007

Deutsche Bank AG trở thành đối tác chiến lược và tham gia 10% vốn điều lệ của Ngân hàng với cam kết sẽ hỗ trợ kỹ thuật cho HABUBANK trong hoạt động quản trị rủi ro, quản lý nguồn vốn và cùng HABUBANK tìm kiếm cơ hội hợp tác trong nhiều lĩnh vực.

■ Năm 2008

Tổ chức lễ kỷ niệm thành lập Ngân hàng “20 năm, HABUBANK, Giá trị tích lũy Niềm tin” và vinh dự được đón nhận Huân chương Lao động hạng III do Chủ tịch nước trao tặng vì các thành tích đã đạt được trong giai đoạn 2003-2008.

■ Năm 2009

- Vinh dự đón nhận bằng khen của Thống đốc NHNN Việt Nam về thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nhiệm vụ ngân hàng.

- Hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng.

■ Năm 2010

- Phát hành thành công 1.050 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi.

- Chính thức niêm yết cổ phiếu HABUBANK với mã chứng khoán HBB tại sàn HNX từ ngày 23/11/2010.

- Trở thành thành viên của tổ chức thẻ quốc tế Visa.

Sứ mệnh

“ HABUBANK cung ứng một cách toàn diện các sản phẩm và dịch vụ ngân hàng có chất lượng cao, sáng tạo nhằm đáp ứng nhu cầu và mong muốn của từng đối tượng khách hàng. ”



Tâm nhìn

Tâm nhìn của HABUBANK cũng chính là khẩu hiệu hoạt động GIÁ TRỊ TÍCH LŨY NIỀM TIN. Đây tiếp tục là phương châm phù hợp với toàn Ngân hàng. HABUBANK mong muốn “tích lũy giá trị” để tạo ra “niềm tin” cho mọi đối tượng khách hàng HABUBANK hướng tới.

HABUBANK được tạo dựng, hoạt động, phát triển và thành công trên cơ sở NIỀM TIN: Niềm tin của Nhà nước, niềm tin của cổ đông, niềm tin của khách hàng, niềm tin của nhân viên, niềm tin của bạn hàng, niềm tin của đối tác. Niềm tin đó được vun đắp từ các Giá trị mà Ngân hàng đã, đang và sẽ tạo ra dù đó là Giá trị cốt lõi hay Giá trị gia tăng, là Giá trị kinh tế hay Giá trị phi kinh tế, là Giá trị hữu hình hay Giá trị vô hình.

Mục tiêu chiến lược

- Tối đa hoá giá trị đầu tư của các cổ đông. Giữ vững tốc độ tăng trưởng lợi nhuận và tình hình tài chính lành mạnh.
- Không ngừng nâng cao động lực làm việc và năng lực cán bộ thông qua việc luôn là Ngân hàng đi đầu trong việc sáng tạo và phát triển các chính sách đãi ngộ cũng như phát triển sự nghiệp cho các cán bộ của mình.
- Duy trì sự hài lòng, trung thành và gắn bó của khách hàng với HABUBANK. Phát triển HABUBANK thành một trong top 2 ngân hàng Việt nam “được lựa chọn” do chất lượng dịch vụ tốt nhất bởi các doanh nghiệp cấu tiến, hộ gia đình và cá nhân.
- Phát triển HABUBANK trở thành một trong 3 ngân hàng được ngưỡng mộ/tín nhiệm nhất Việt nam về: quản lý, môi trường làm việc, văn hoá doanh nghiệp chú trọng khách hàng, thúc đẩy hợp tác và sáng tạo, linh hoạt khi môi trường kinh doanh thay đổi.
- Góp phần tích cực làm vững chắc thị trường tài chính trong nước.

Tổng tài sản
37.988
Tỷ VND

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản 5 năm (2006 - 2010)

Đơn vị: Triệu đồng

Cho năm	2010	2009	2008	2007	2006
Lợi nhuận trước thuế	601.797	504.850	480.422	460.755	248.047
Lợi nhuận sau thuế	476.321	407.547	325.167	365.632	185.193
Cổ tức	12%	10%	20%	20%	32%
Tổng tài sản	37.988.973	29.240.379	23.606.717	23.518.684	11.685.318
Tổng dư nợ	18.684.558	13.358.406	10.515.947	9.419.378	5.983.267
Tổng huy động	33.272.162	25.470.815	19.961.017	19.970.336	9.735.102
Vốn điều lệ	3.000.000	3.000.000	2.800.000	2.000.000	1.000.000
Tổng vốn cổ đông	3.533.452	3.251.899	2.992.761	3.179.345	1.756.381
Thu nhập hoạt động thuần	1.264.328	562.476	590.737	545.678	279.072
Tỷ lệ nợ quá hạn	2,39%	2,24%	2,8%	2,49%	0,95%
Chi phí dự phòng nợ khó đòi	275.587	57.626	110.315	84.923	31.025
ROAE trước thuế	17,74%	16,17%	15,57%	18,67%	23,10%
ROAA trước thuế	1,79%	1,91%	2,04%	2,62%	2,89%

Giới thiệu Ban lãnh đạo HABUBANK



Ban Kiểm soát

1. Bà Trần Thị Lan Hương - Trưởng Ban kiểm soát

Sinh ngày 01 tháng 5 năm 1973

Bằng cấp chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán, Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, Việt Nam

Kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng: 11 năm kể từ năm 2000

2. Bà Trần Thị Hà Giang - Thành viên Ban kiểm soát

Sinh ngày: 16 tháng 11 năm 1977

Bằng cấp chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán, Đại học dân lập Đông Đô

Kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng: 12 năm kể từ năm 1999

3. Ông Đinh Đức Tuấn - Thành viên Ban kiểm soát

Sinh ngày: 14 tháng 11 năm 1972

Bằng cấp chuyên môn: Cử nhân Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Ngoại Thương Hà Nội, Kỹ sư, Đại học Mô Đạ chất

Kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng: 2 năm kể từ năm 2009



Ông NGUYỄN VĂN BẢNG - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Sinh ngày: 14 tháng 8 năm 1950

Bằng cấp chuyên môn: Cử nhân - Học viện Quân sự, Hà Nội, Việt Nam
Kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng: 16 năm từ năm 1995



Hội đồng Quản trị - Ban điều hành

1. Bà Bùi Thị Mai - Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị - Tổng giám đốc

Sinh ngày 08 tháng 01 năm 1962

Bằng cấp chuyên môn: Thạc sĩ quản trị Kinh doanh Quốc tế

Cử nhân tài chính kế toán - Đại học Tài chính kế toán, Hà Nội, Việt Nam

Kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng: 16 năm kể từ năm 1995

2. Ông Nguyễn Tuấn Minh - ủy viên Hội đồng Quản trị - Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày 09 tháng 10 năm 1967

Bằng cấp chuyên môn: Cử nhân Quan hệ Quốc tế, Hà Nội, Việt Nam

Cử nhân Luật, Đại học Luật, Hà Nội, Việt Nam

Kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng: 16 năm kể từ năm 1995

3. Ông Đỗ Trọng Thắng - ủy viên Hội đồng Quản trị - Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày 14 tháng 3 năm 1960

Bằng cấp chuyên môn: Cử nhân Quản lý Kinh tế, Hà Nội, Việt Nam

Kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng: 09 năm kể từ năm 2002

4. Bà Dương Thu Hà - ủy viên Hội đồng Quản trị

Sinh ngày 08 tháng 12 năm 1974

Bằng cấp chuyên môn: Cử nhân Luật, Cử nhân Thương Mại - Đại học Melbourne, Australia

Kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng: 10 năm kể từ năm 2001

5. Ông JOSEPH PAUL LONGO - ủy viên Hội đồng Quản trị - Thành viên độc lập

Sinh ngày 18 tháng 9 năm 1959

Bằng cấp chuyên môn: Thạc sĩ Luật, Đại học Yale

Cử nhân Luật, Triết học

Kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng: 09 năm kể từ năm 2002

6. Bà Nguyễn Dự Hương - Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày 21 tháng 7 năm 1963

Bằng cấp chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh Công nghiệp và XD/CB, Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, Việt Nam

Cử nhân Ngoại ngữ, Đại học sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội

Kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng: 15 năm kể từ năm 1996

7. Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày 18 tháng 3 năm 1963

Bằng cấp chuyên môn: Cử nhân Học viện Ngân hàng, Hà Nội, Việt Nam

Kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng: 22 năm kể từ năm 1989

8. Bà Lê Thu Hương - Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày 06 tháng 9 năm 1971

Bằng cấp chuyên môn: Thạc sĩ, Học viện Ngoại giao, Moscow, Nga

Cử nhân Quản trị Kinh doanh Công nghiệp và XD/CB, Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, Việt Nam

Kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng: 10 năm kể từ năm 2001



Báo cáo của Hội đồng Quản trị HABUBANK

“

Năm 2010 nền kinh tế Việt Nam đã có sự phục hồi, tuy nhiên môi trường kinh tế vĩ mô vẫn còn tồn tại một số bất cập như nhập siêu vẫn ở mức cao gây áp lực lên cán cân thanh toán, thị trường bất động sản không ổn định, chỉ số giá tiêu dùng cả năm vượt dự kiến, đặc biệt là giá vàng và tỷ giá ngoại tệ biến động bất thường, nhất là những tháng cuối năm. Môi trường kinh tế vĩ mô đã tác động không nhỏ đến hoạt động của hệ thống ngân hàng nói chung và Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (HABUBANK) nói riêng. Với nỗ lực vượt bậc, HABUBANK đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ XIX.

”

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Năm 2010 nền kinh tế Việt Nam đã có sự phục hồi, tuy nhiên môi trường kinh tế vĩ mô vẫn còn tồn tại một số bất cập như nhập siêu vẫn ở mức cao gây áp lực lên cán cân thanh toán, thị trường bất động sản không ổn định, chỉ số giá tiêu dùng cả năm vượt dự kiến, đặc biệt là giá vàng và tỷ giá ngoại tệ biến động bất thường, nhất là những tháng cuối năm. Môi trường kinh tế vĩ mô đã tác động không nhỏ đến hoạt động của hệ thống ngân hàng nói chung và Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (HABUBANK) nói riêng. Với nỗ lực vượt bậc, HABUBANK đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ XIX.

■ Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010

1. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản:

Năm 2010 HABUBANK tiếp tục thực hiện chính sách quản trị rủi ro theo hướng thận trọng và giữ vững các tỷ lệ an toàn theo chuẩn quốc tế và quy định của Ngân hàng Nhà nước ("NHNN"). Hội đồng Quản trị và Ban điều hành HABUBANK luôn duy trì và đặt sự phát triển bền vững và tối đa hóa lợi ích cho cổ đông làm nhiệm vụ trọng tâm trong hoạt động kinh doanh.

HABUBANK vẫn tiếp tục tập trung nâng cao khả năng huy động vốn và chuyển đổi hữu hiệu cơ cấu thu nhập chủ yếu dựa vào tín dụng sang gia tăng các mảng kinh doanh mang lại thu nhập về phí và phi tín dụng cho HABUBANK.

HABUBANK đã tích cực đẩy mạnh công tác huy động, đảm bảo nguồn vốn hoạt động dồi dào, an toàn và đảm bảo thanh khoản cao. Tổng nguồn vốn huy động đạt 33.272 tỷ đồng, tăng trưởng 30,6% so với 31/12/2009 và vượt 10,96% so với kế hoạch, đáp ứng nhu cầu cho vay ngắn, trung và dài hạn của HABUBANK và kinh doanh trên thị trường liên ngân hàng.

Tăng trưởng Tín dụng so với năm 2009 là 39,87% và vượt 3,6% so với kế hoạch. Tổng dư nợ cho vay khách hàng tại thời điểm 31/12/2010 đạt 18.684 tỷ đồng.

Tăng trưởng Tổng tài sản: tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2010 đạt 37.988 tỷ đồng, tăng trưởng 29,91% so với năm 2009 và đạt trên 100% so với kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông. Chất lượng tài sản của HABUBANK tiếp tục được giữ vững và duy trì ở mức tốt. Năm 2010, tỷ lệ nợ quá hạn của HABUBANK là 2,39% hoàn thành kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao (<3%).

Tỷ lệ An toàn vốn: tính bằng Tổng vốn chủ sở hữu trên Tổng tài sản có rủi ro. Năm 2010, tỷ lệ an toàn vốn của HABUBANK đạt 12,29%, vượt kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông XIX đề ra là trên 10% và luôn đạt tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của NHNN.

Lợi nhuận thuần: Năm 2010, lợi nhuận thuần trước thuế và sau khi trích dự phòng đạt 602 tỷ đồng. Cơ cấu thu nhập đã có sự thay đổi cơ bản theo hướng gia tăng các khoản thu nhập từ hoạt động phi tín dụng. Tỷ lệ thu nhập phi tín dụng tăng từ 27,02% năm 2009 lên 40,79% năm 2010. Với mức lợi nhuận này, tỷ lệ ROAE tính trên vốn chủ sở hữu bình quân của HABUBANK đạt 17,74% trước thuế. HABUBANK đã tạm ứng tỷ lệ cổ tức bằng tiền mặt cho các cổ đông như kế hoạch đã đặt ra là 12%.

Tỷ suất hiệu quả sử dụng tài sản (ROAA): được tính bằng Lợi nhuận thuần trên Tổng Tài sản có bình quân. Năm 2010, ROAA của HABUBANK đạt 1,79% trước thuế. Môi trường kinh doanh trong nước và thế giới biến động theo chiều hướng bất lợi, do đó tỷ lệ này là một kết quả tích cực.

2. Các nhiệm vụ chính thực hiện trong năm 2010:

- 2.1** Triển khai thành công kế hoạch niêm yết cổ phiếu HABUBANK tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Việc niêm yết cổ phiếu HABUBANK đã giúp nâng cao thương hiệu và hình ảnh của Ngân hàng trên thị trường tài chính trong và ngoài nước; đồng thời khơi mở kênh huy động vốn thông qua thị trường chứng khoán; tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu và gia tăng lợi ích cho cổ đông của HABUBANK.
- 2.2** Hoàn thành kế hoạch phát hành 1.050 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi mà Đại hội đồng cổ đông lần XIX giao. Mặc dù môi trường kinh tế khó khăn, nhưng niềm tin của các cổ đông và nhà đầu tư đối với HABUBANK vẫn ở mức cao, thể hiện qua việc cổ đông/nhà đầu tư tiếp tục đầu tư mua trái phiếu chuyển đổi của HABUBANK, trong đó Ngân hàng Deutsche Bank vẫn tiếp tục mua thêm trái phiếu chuyển đổi, duy trì tỷ lệ sở hữu 10% vốn điều lệ của HABUBANK.
- 2.3** Để đáp ứng yêu cầu triển khai kế hoạch phát triển chiến lược giai đoạn 2010 - 2014, HABUBANK đã hoàn thiện việc tổ chức kinh doanh theo khối/mảng kinh doanh để thúc đẩy phát triển kinh doanh nhanh, mạnh mẽ và hiệu quả hơn.
- 2.4** Hoàn thành việc phát hành 1.400 tỷ đồng trái phiếu thường nhằm gia tăng nguồn vốn trung dài hạn đáp ứng yêu cầu phát triển và mở rộng hoạt động kinh doanh.
- 2.5** Tiếp tục mở rộng phạm vi hoạt động thông qua việc phát triển các kênh phân phối (điểm giao dịch, ATM..) và đẩy mạnh việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ ngân hàng (sản phẩm dịch vụ ngân hàng cá nhân, sản phẩm dịch vụ ngân hàng doanh nghiệp, dịch vụ ngân hàng tự động, dịch vụ ngân quỹ...) HABUBANK đã hoàn thành việc mở rộng mạng lưới năm 2010 như kế hoạch đã đề ra.

3. Tình hình thực hiện các hoạt động hỗ trợ kinh doanh:

3.1. Về tổ chức và mạng lưới:

- (i) Từng bước hoàn thiện mô hình tổ chức mới: phân mảng - khối kinh doanh, đồng thời từng bước triển khai việc xây dựng kế hoạch kinh doanh và đề xuất chính sách bán hàng theo khối/mảng kinh doanh (dịch vụ ngân hàng cá nhân, dịch vụ ngân hàng doanh nghiệp). Việc tổ chức quản lý luồng thông tin kinh doanh theo khối khách hàng và mảng kinh doanh với các Giám đốc Khối chuyên trách trong năm 2010 bước đầu đã tạo thuận lợi trong điều hành kinh doanh hàng ngày của Ban điều hành, cũng như trong chỉ đạo chiến lược của HĐQT. Công tác hoàn thiện cơ chế - chính sách theo các mảng/khối kinh doanh đã được triển khai một cách đồng bộ. Cách thức tổ chức triển khai và quản lý kinh doanh mới theo hướng ngân hàng hiện đại sẽ giúp HABUBANK phát triển mạnh mẽ hơn trong thời gian tới;
- (ii) Bên cạnh đó, nhiệm vụ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao để đáp ứng yêu cầu phát triển Ngân hàng trong quá trình cạnh tranh và hội nhập là một yêu cầu cấp thiết. Trong năm HABUBANK đã cử 3.164 lượt cán bộ tham gia 140 khóa đào tạo trong và ngoài nước. Đội ngũ cán bộ của HABUBANK tăng cả về quy mô và chất lượng, tính đến 31.12.2010 tổng số CBNV HABUBANK là 1.464 người, tăng 364 người;
- (iii) Mở rộng đa dạng kênh phân phối và cung ứng dịch vụ đảm bảo tuân theo nguyên tắc cẩn trọng và hiệu quả. Năm 2010, HABUBANK đã mở thêm 20 điểm giao dịch tại các trung tâm kinh tế Hà Nội, TP. HCM và Hải Phòng, nâng tổng số điểm giao dịch trên toàn quốc đạt 70 điểm, tất cả đều đạt hiệu quả hoạt động và an ninh tốt. Trung tâm dịch vụ khách hàng (Contact Center) của HABUBANK, đi vào hoạt động từ tháng 12/2009 đã cung ứng các dịch vụ trực tiếp rất hiệu quả, đáp ứng nhu cầu thông tin dịch vụ sản phẩm của HABUBANK và liên kết với HABUBANK.

3.2. Hoạt động hỗ trợ bán hàng:

- (i) Trong năm 2010, HABUBANK đã thực hiện triển khai phân khúc khách hàng thống nhất trên toàn khối, từ đó xây dựng hệ thống chính sách chăm sóc khách hàng phù hợp. Công tác phân loại khách hàng để xây dựng chính sách theo nhóm đã được HABUBANK ưu tiên đặt lên hàng đầu để có thể chăm sóc một cách toàn diện nhất. Bên cạnh các chương trình chăm sóc khách hàng thường xuyên được triển khai tích cực để duy trì sự gắn bó, trung thành của khách hàng, việc liên tục phát triển và thay đổi sản phẩm phù hợp với nhu cầu khách hàng và cơ hội thị trường luôn là nhiệm vụ trọng tâm của Ngân hàng;
- (ii) Trong năm 2010, HABUBANK vinh dự đón nhận 13 bằng khen, giải thưởng của các tổ chức trong và ngoài nước, tiêu biểu là giải thưởng Sao vàng đất Việt và giải thưởng Ngân hàng TTQT xuất sắc trong năm. Đặc biệt, HABUBANK lại tiếp tục được NHNN đánh giá là Ngân hàng loại A.

■ Phương hướng nhiệm vụ và chỉ tiêu tài chính năm 2011

1. Dự báo môi trường kinh tế Việt Nam 2011:

1.1 Trong năm 2011 và cả thời gian trước mắt, nền kinh tế tiếp tục phải giải bài toán tăng trưởng thiếu bền vững, cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, hiệu quả đầu tư thấp... Đặc biệt giá cả nhiều mặt hàng sẽ tăng nhanh do sự khởi đầu chuỗi điều chỉnh giá một loạt mặt hàng và sản phẩm đầu vào quan trọng của nền kinh tế, điều này làm tiềm ẩn nguy cơ lạm phát cao trở lại. Nợ công tiếp tục ở mức cao và đi liền với sự gia tăng sức ép tín dụng quá hạn do cho vay lãi suất cao trong năm 2010.

1.2 Chính sách tiền tệ trong năm 2011 theo hướng thận trọng, chủ động và linh hoạt, trong đó có sự phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô. Với định hướng này, các chỉ tiêu chính trong năm 2011 sẽ được điều chỉnh theo xu hướng giảm so với các chỉ tiêu trong năm 2010. Theo đó, Thống đốc NHNN đã có chỉ thị: tổng phương tiện thanh toán trong năm tới được khống chế tăng ở mức 15 - 16%, tín dụng đối với nền kinh tế tăng dưới 20% (so với mức mục tiêu 25% của năm 2010), giới hạn tỷ lệ cho vay phi sản xuất 16% tổng dư nợ. Thị trường vàng và thị trường ngoại tệ cũng sẽ được theo dõi và quản lý chặt chẽ hơn.

1.3 Xu hướng chính của các NHTM trong nước là:

- (i) Đẩy mạnh phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ tiện ích và hiện đại. Hướng tới việc phát triển các mảng dịch vụ phi tín dụng nhằm thu về cho Ngân hàng các nguồn lợi nhuận ít rủi ro hơn;
- (ii) Tăng cường quản trị rủi ro để tránh khủng hoảng;
- (iii) Đa dạng hóa các hoạt động kinh doanh theo xu hướng mở rộng phạm vi sang nhiều lĩnh vực nhằm phân tán rủi ro, phát triển theo xu hướng chuyên môn hóa cao, góp phần tăng thu nhập.

Có thể thấy triển vọng phát triển ngành còn rất lớn, tuy nhiên các yếu tố cạnh tranh cũng sẽ ngày càng khốc liệt khi thị trường không chỉ dành riêng cho các tổ chức trong nước mà sẽ có sự góp mặt của các định chế tài chính lớn mạnh nước ngoài. Bên cạnh đó, các ngân hàng cũng đặc biệt quan tâm đến những tiêu chuẩn pháp lý mới và đặc biệt quan tâm về những những biến động khó lường của lãi suất và tỷ giá.

2. Phương hướng nhiệm vụ chính năm 2011:

Trên cơ sở những dự báo những cơ hội và thách thức về môi trường kinh tế trong và ngoài nước, năm 2011 HABUBANK tiếp tục duy trì chính sách quản trị rủi ro theo quan điểm thận trọng, đồng thời Ngân hàng phải tiếp tục nâng cao rõ rệt năng lực và vị thế cạnh tranh. Để đạt được mục tiêu dài hạn đó, năm 2011 HABUBANK phấn đấu thực hiện các nhiệm vụ chính sau:

- 2.1.** Tiếp tục đề án nâng cao năng lực vốn, quản trị điều hành, nguồn nhân lực và hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đảm bảo các mục tiêu phát triển thị phần bằng cách:
- (i) Phát hành trái phiếu chuyển đổi, tạo điều kiện gia tăng năng lực tài chính và cạnh tranh cho Ngân hàng.
 - (ii) Đa dạng hóa các kênh huy động nhằm tăng vốn hoạt động cho Ngân hàng;
 - (iii) Bổ sung và hoàn thiện bộ máy quản trị điều hành để nâng cao năng lực điều hành Ngân hàng trong giai đoạn mới, bên cạnh việc không ngừng nâng cao trình độ các cấp quản lý, nhân viên đi kèm với chính sách đãi ngộ hợp lý và cạnh tranh;
 - (iv) Hoàn thiện và nâng cao hạ tầng thông tin để đảm bảo mở rộng và phát triển thêm các kênh cung ứng dịch vụ mới từ xa cũng như đáp ứng tốt nhu cầu của công tác quản trị điều hành, hỗ trợ hiệu quả quản trị rủi ro.
- 2.2.** Đa dạng hóa các nguồn thu kinh doanh, tận dụng thời cơ mở rộng danh mục đầu tư vào các ngành có tiềm năng và hiệu suất đầu tư nhằm đảm bảo thu nhập dài hạn ổn định cho Ngân hàng.
- 2.3.** Tích cực mở rộng mạng lưới, mở thêm các điểm giao dịch mới tại các địa bàn trọng điểm như: Hà Nội, Hải Dương, Nha Trang - Khánh Hòa, Long An, Đồng Nai, địa bàn Hồ Chí Minh và vùng kinh tế phát triển khác ở khu vực phía Nam.
- 2.4.** Đẩy mạnh việc phát triển hình ảnh Ngân hàng, đặc biệt là trên các địa bàn mới mở điểm giao dịch và khu vực phía Nam.
- 2.5.** Nâng cao hiệu quả hoạt động marketing và phát triển sản phẩm mới cho từng mảng kinh doanh phù hợp với đối tượng khách hàng mục tiêu.

3. Về các chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2011:

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Giá trị Đến 31/12/2011	Tăng trưởng (%)
1. Tổng tài sản	45.500 - 46.500	20-22%
2. Phát hành trái phiếu chuyển đổi	960	-
3. Tổng huy động	40.000 - 41.000	20-23%
Trong đó: huy động thị trường 1	24.000 - 26.000	20-30%
4. Tổng dư nợ	22.000 - 23.000	18-22%
5. Tỷ trọng thu nhập thuần từ phí và dịch vụ (%/tổng thu nhập thuần HĐ)	20-25%	
6. Lợi nhuận trước thuế	700 - 750	16-25%
7. ROAE trước thuế	18%	
8. ROAA trước thuế	1,5%	
9. Tỷ lệ nợ quá hạn (NPL)	<3%	
10. Cổ tức dự kiến	14-16%	
11. Mạng lưới	89 điểm giao dịch	
12. Xếp loại Ngân hàng	Loại A	



Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc HABUBANK

Ngày 23 tháng 11 năm 2010
chính thức niêm yết mã chứng khoán

HBB

TRÊN SÀN HNX

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

■ Nhận định thị trường năm 2010

Năm 2010, kinh tế trong nước phục hồi với những dấu hiệu khả quan: tốc độ tăng trưởng khá cao với 6,78%, xuất khẩu tăng nhanh, nhập siêu chỉ còn bằng 17,3% kim ngạch xuất khẩu, thâm hụt cán cân thanh toán tổng thể giảm mạnh. Đầu năm, thị trường ổn định, kinh tế phát triển tốt. Cuối năm, lạm phát và lãi suất tăng cao, tỷ giá biến động mạnh, gây sức ép lên nền kinh tế và hoạt động sản xuất kinh doanh.

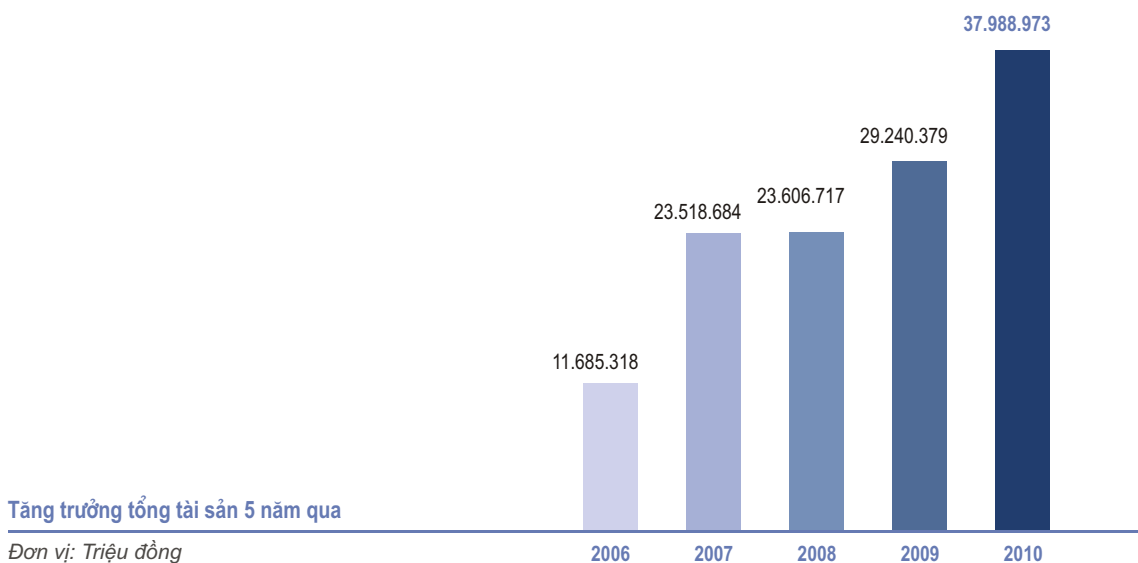
Kinh tế thế giới cũng có nhiều biến động trong năm 2010. Với việc chính phủ Mỹ duy trì chính sách đồng tiền yếu, phát hành thêm trái phiếu, thêm vào đó, khủng hoảng nợ của Hy Lạp, tình hình chính trị bất ổn ở một số quốc gia châu Phi và vùng Vịnh... đã đẩy giá vàng và giá dầu trên thị trường lên cao, làm ảnh hưởng đến thị trường tài chính và nền kinh tế toàn cầu, trong đó có Việt Nam.

Trong bối cảnh chung đó, HABUBANK cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Các kế hoạch kinh doanh đưa ra đều dựa trên những đánh giá về diễn biến thị trường và được đánh giá là phù hợp với khả năng tài chính của Ngân hàng. Chính vì vậy, năm 2010 vừa qua, HABUBANK cũng đạt được một số thành tựu nhất định và hoàn thành các kế hoạch được giao.

■ Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm

1. Tổng tài sản:

Cuối năm 2010, tổng tài sản của HABUBANK đạt 37.988 tỷ đồng, tăng 29,91%, so với năm 2009. Tổng vốn cổ đông cũng tăng 8,67% lên 3.533 tỷ đồng, duy trì cho HABUBANK một cấu trúc tài chính vững mạnh.



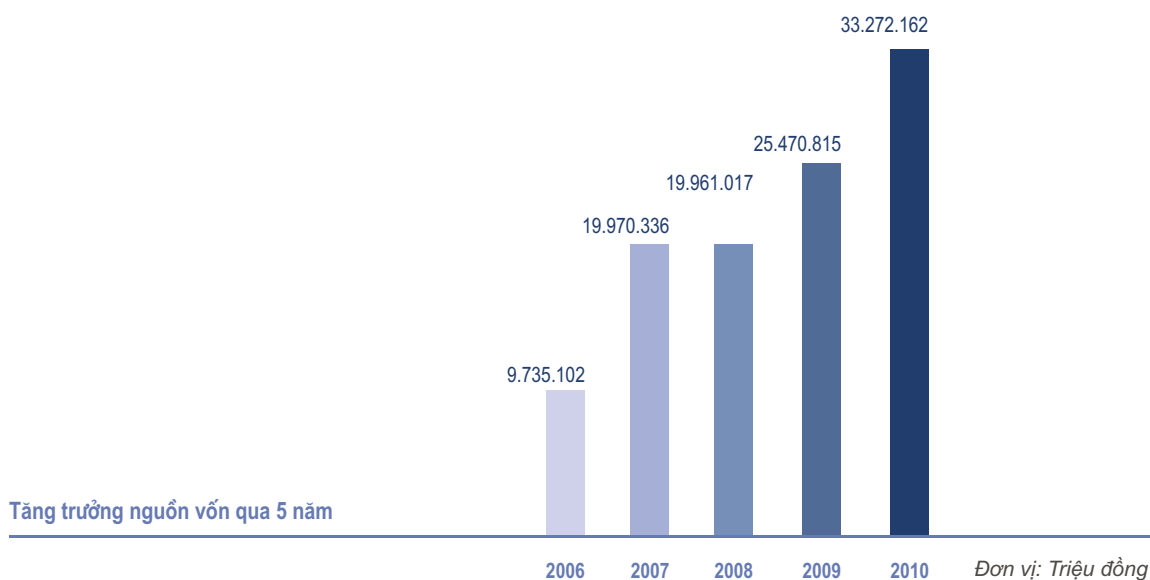
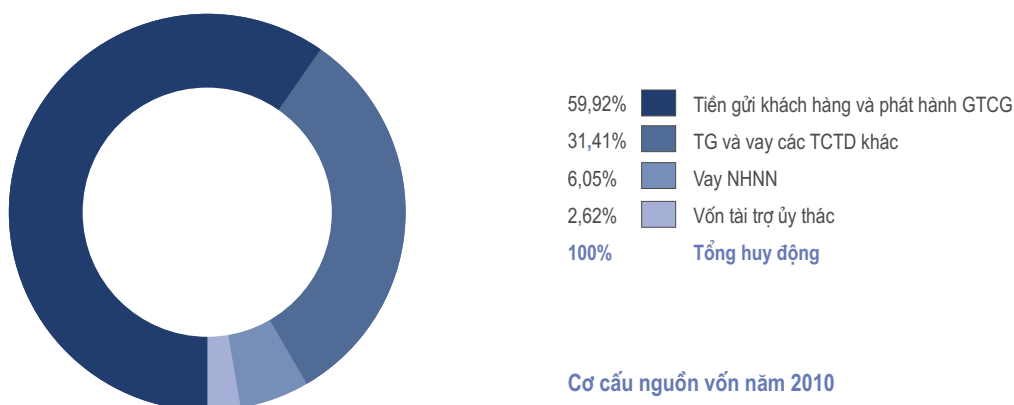
	2006	2007	2008	2009	2010
Tổng tài sản	11.685.318	23.518.684	23.606.717	29.240.379	37.988.973
Tăng trưởng	111,5%	101,3	0,37%	23,86%	29,91%

2. Huy động vốn:

Với chính sách thắt chặt tiền tệ, tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước, HABUBANK đã thực hiện chủ trương đẩy mạnh hoạt động huy động vốn bằng cách phát triển mạng lưới, duy trì lãi suất ở mức phù hợp, hấp dẫn với khách hàng, đa dạng hóa các sản phẩm huy động vốn với các giá trị gia tăng cho khách hàng, tổ chức lại việc bán hàng và tăng cường các hoạt động chăm sóc khách hàng.

Với uy tín của Ngân hàng và chất lượng dịch vụ, cộng với chính sách lãi suất, sản phẩm, kỳ hạn phù hợp với nhu cầu của khách hàng nên HABUBANK đã đạt mức tổng huy động là 33.272 tỷ đồng, tăng 30,63% so với năm 2009, trong đó, tổng huy động thị trường 1 và phát hành giấy tờ có giá đạt 19.938 tỷ đồng, chiếm xấp xỉ 60 % tổng huy động, tăng trưởng 31% so với năm 2009.

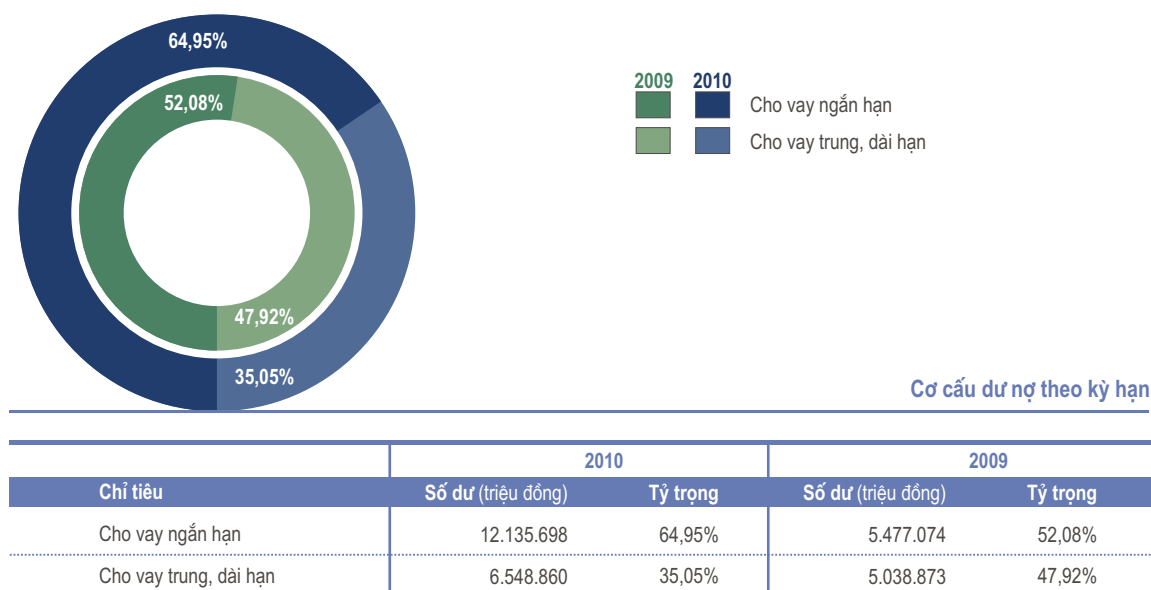
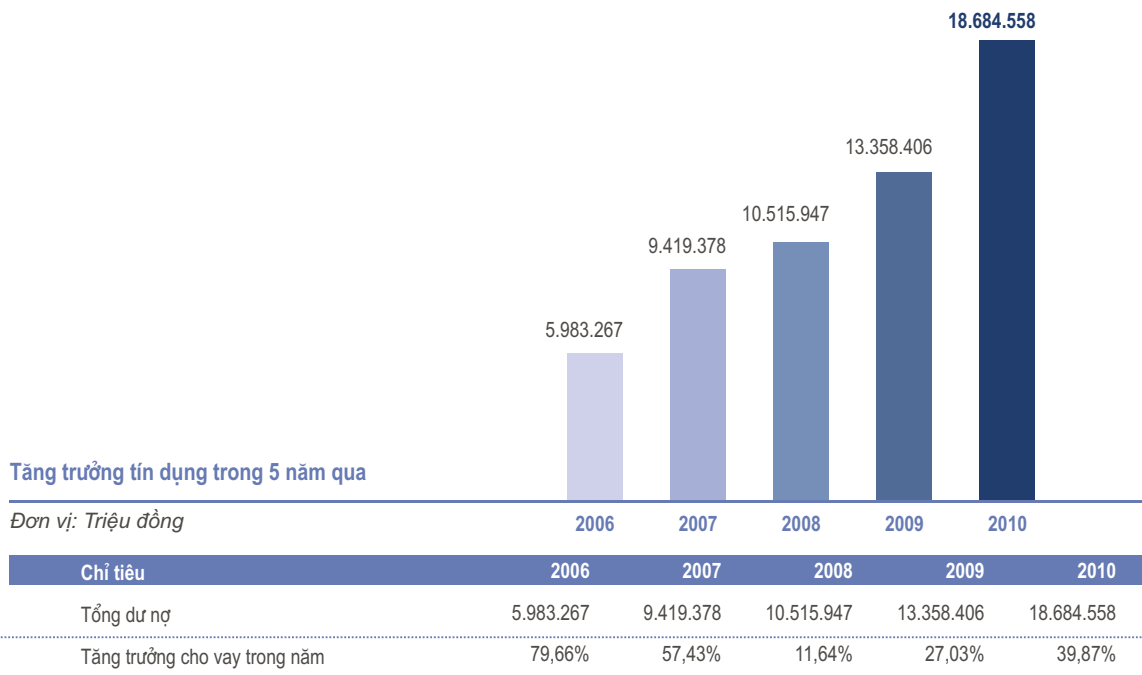
Để đẩy mạnh hoạt động huy động vốn từ thị trường 1, bên cạnh huy động tiết kiệm và tiền gửi, Ngân hàng cũng chú trọng đẩy mạnh hoạt động phát hành giấy tờ có giá. Cụ thể, HABUBANK đã phát hành thành công 1.800 tỷ đồng kỳ phiếu vào giữa tháng 6/2010, 1.050 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi kỳ hạn 1 năm vào cuối tháng 8/2010 và 1.400 tỷ đồng trái phiếu thường, kỳ hạn 2 năm vào giữa tháng 9/2010. Điều này cải thiện đáng kể cơ cấu huy động nguồn vốn của HABUBANK, tạo ra nền tảng vững chắc và ổn định, đáp ứng các nhu cầu sử dụng vốn kinh doanh của Ngân hàng.

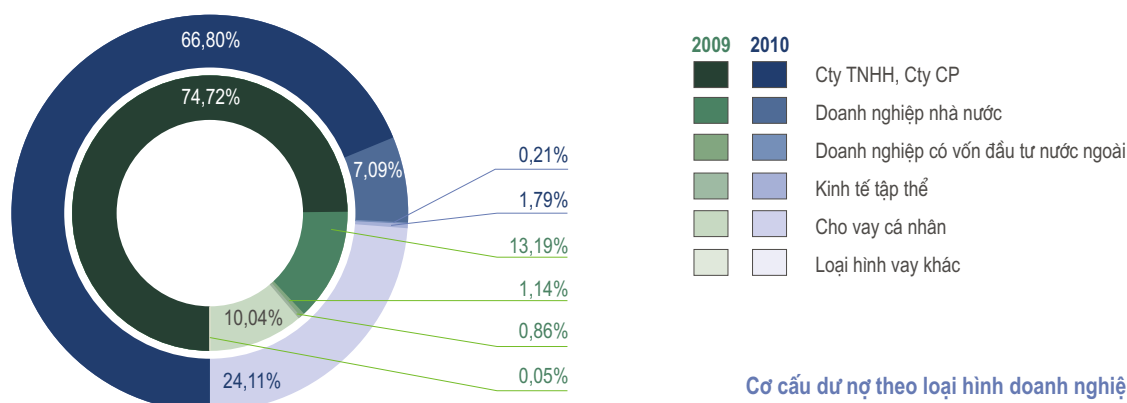


3. Hoạt động cho vay:

Với các dấu hiệu khả quan của nền kinh tế trong 3 quý đầu năm 2010, HABUBANK đã đẩy mạnh hoạt động cho vay ra trên cơ sở quản lý chặt chẽ chất lượng tín dụng. Tổng dư nợ của toàn Ngân hàng đạt 18.684 tỷ đồng, tăng trưởng 39,87% so với năm 2009, cao hơn bình quân ngành. Tỷ lệ nợ quá hạn ở mức 2,39% và thực hiện trích đủ dự phòng rủi ro để đảm bảo an toàn và hiệu quả hoạt động cho Ngân hàng.

Ngân hàng cũng cơ bản hoàn thành việc triển khai hệ thống quản trị rủi ro tín dụng tập trung, thực hiện việc nâng cấp hệ thống chấm điểm tín dụng để làm cơ sở quyết định việc cho vay và xác định giá vay.





Chỉ tiêu	2010		2009	
	Số dư (triệu đồng)	Tỷ trọng	Số dư (triệu đồng)	Tỷ trọng
Cty TNHH, Cty CP	12.481.945	66,80%	9.981.746	74,72%
Doanh nghiệp nhà nước	1.325.213	7,09%	1.762.222	13,19%
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	39.139	0,21%	151.843	1,14%
Kinh tế tập thể	333.015	1,79%	114.838	0,86%
Cho vay cá nhân	4.505.246	24,11%	1.340.665	10,04%
Loại hình vay khác	0	0%	7.092	0,05%

4. Hoạt động đầu tư và kinh doanh trên thị trường tiền tệ

Để mang lại nguồn thu ổn định cho Ngân hàng, bên cạnh hoạt động cho vay truyền thống, HABUBANK còn thực hiện hoạt động đầu tư vào các chứng khoán và các giấy tờ có giá. Để đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững, an toàn và hiệu quả, HABUBANK luôn duy trì mức đầu tư chứng khoán từ 20% đến 30% tổng nguồn vốn huy động và chỉ thực hiện hoạt động đầu tư vào các loại chứng khoán ít rủi ro như: Trái phiếu chính phủ, Công trái giáo dục, Trái phiếu đô thị, Tín phiếu kho bạc, Kỳ phiếu, Chứng chỉ tiền gửi của các tổ chức tín dụng. Năm 2011, tỷ trọng đầu tư chứng khoán của HABUBANK là 23,2% tổng nguồn huy động. HABUBANK chủ động tăng tỷ trọng này trong giai đoạn vừa qua là do Ngân hàng đã đẩy mạnh việc mua vào các trái phiếu chính phủ dài hạn ngoài việc là nguồn dự trữ quan trọng hỗ trợ khả năng thanh khoản cho Ngân hàng khi thị trường có biến động thì đây cũng chính là danh mục đầu tư có hiệu quả. Ngoài ra HABUBANK cũng lựa chọn chứng khoán của một số TCKT trong nước có tính thanh khoản để nâng cao hiệu quả đầu tư chứng khoán của Ngân hàng. Việc quyết định tăng trưởng hoạt động đầu tư chứng khoán của Ngân hàng trong năm qua đã khẳng định hoạt động này của Ngân hàng là đúng hướng, với 204 tỷ đồng thu từ hoạt động kinh doanh và đầu tư chứng khoán, tăng 170,12% so với năm 2009.

5. Kinh doanh ngoại hối và vàng

Kinh doanh ngoại tệ của Ngân hàng chủ yếu phục vụ nhu cầu thanh toán cho khách hàng. Tuy nhiên, nhận thấy việc biến động về tỷ giá sẽ thấp hơn chênh lệch giữa lãi suất Việt Nam đồng và ngoại tệ, nên HABUBANK đã quyết định để âm trạng thái ngoại tệ dẫn đến lỗ về tỷ giá để chuyển đổi sang tiền đồng thu lợi nhuận từ hoạt động tiền tệ. Đúng trên tổng thể hoạt động kinh doanh thì nguồn ngoại tệ vẫn được sử dụng một cách có hiệu quả và đem lại lợi nhuận cho Ngân hàng.

6. Thanh toán quốc tế:

Năm 2010, doanh số thanh toán quốc tế của HABUBANK chỉ tăng hơn 13% do khủng hoảng trên thế giới khiến xuất khẩu giảm và trong nước thì Chính phủ hạn chế nhập khẩu hàng không thiết yếu.

HABUBANK tiếp tục được các ngân hàng quốc tế lớn như Citibank, Wachovia, HSBC, Standard Chartered Bank đánh giá cao và trao tặng Giải thưởng Ngân hàng thanh toán quốc tế xuất sắc. Tỷ lệ điện thanh toán chuẩn của HABUBANK luôn ở mức gần như tuyệt đối, góp phần làm giảm chi phí phát sinh, rút ngắn thời gian giao dịch và nâng cao uy tín của HABUBANK đối với khách hàng cũng như với các ngân hàng nước ngoài.



24,47%	Chuyển tiền đi
33,68%	L/C nhập khẩu
11,50%	L/C xuất khẩu
5,27%	Nhờ thu NK
2,07%	Nhờ thu XK
21,95%	Chuyển tiền về qua Swift
1,06%	Bảo lãnh nước ngoài
100%	Doanh số ngân hàng

Doanh số Thanh toán quốc tế theo lĩnh vực hoạt động

Chỉ tiêu	Tổng (USD)	Tỷ trọng
Chuyển tiền đi	109.853.383,33	24,47%
L/C nhập khẩu	151.180.757,16	33,68%
L/C xuất khẩu	51.632.061,34	11,50%
Nhờ thu NK	23.668.926,84	5,27%
Nhờ thu XK	9.298.645,11	2,07%
Chuyển tiền về qua Swift	98.543.183,66	21,95%
Bảo lãnh nước ngoài	4.752.737,86	1,06%
Doanh số Ngân hàng	448.929.695,30	100%

7. Dịch vụ Ngân hàng tự động:

Với mục tiêu cung cấp cho khách hàng Dịch vụ ngân hàng tự động hiện đại, năm 2010, HABUBANK đã tập trung đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho dịch vụ thẻ thanh toán. Trên cơ sở đó, Ngân hàng có thể phát triển và cung cấp thêm các dịch vụ giá trị gia tăng cho chủ thẻ, mở rộng kết nối với các tổ chức chuyển mạch tài chính. Dự án thay thế hệ thống chuyển mạch tài chính và quản lý thẻ HABUBANK triển khai khá nhanh chóng (dự án khởi động từ tháng 3/2010 và hoàn thành vào tháng 8/2010). Với giải pháp IST Switch mới này, HABUBANK tự tin trở thành một trong các Ngân hàng Việt Nam sở hữu hệ thống chuyển mạch thẻ chuyên nghiệp và hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế.

Đến nay, hệ thống của HABUBANK đã chính thức kết nối với hệ thống của các ngân hàng thành viên của Banknetvn, VNBC và Smartlink, cho phép chủ thẻ của HABUBANK và các ngân hàng thành viên có thể giao dịch trên hệ thống hơn 10.000 ATM trên toàn quốc. Đây là một tiện ích quan trọng cho các chủ thẻ, góp phần thực hiện chủ trương không sử dụng tiền mặt của Chính phủ nhằm tiết kiệm chi phí do lưu thông tiền mặt và tăng nguồn tiền phục vụ phát triển sản xuất kinh doanh.

Tháng 7/2010, HABUBANK được công nhận là thành viên chính thức của tổ chức thẻ quốc tế VISA, đánh dấu một bước phát triển mới cho dịch vụ thẻ. Theo đó, HABUBANK có thể đa dạng hoá các sản phẩm thẻ của mình bằng việc phát hành thẻ quốc tế. Sự kiện này mở ra cho HABUBANK con đường mới hướng đến thị trường thẻ quốc tế trong năm 2011.

Để khuyến khích khách hàng sử dụng thẻ vì yêu thích sản phẩm, bên cạnh việc tăng thêm các tiện ích cho thẻ, HABUBANK đã hoàn thành công tác chuẩn bị và sẽ chính thức phát hành sản phẩm thẻ The Moment - thẻ mang hình ảnh do chính khách hàng tự lựa chọn và cung cấp cho Ngân hàng. Loại thẻ này hứa hẹn sẽ được khách hàng đón nhận do sự khác biệt và riêng tư của sản phẩm.

8. Lợi nhuận:

Tăng trưởng lợi nhuận từ năm 2008 đến nay có dấu hiệu chậm lại do tình hình suy thoái của nền kinh tế. Đây cũng là giai đoạn HABUBANK tập trung nguồn lực để nâng cấp và hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro, tránh tăng trưởng nóng. Trước những khó khăn chung của nền kinh tế và ngành ngân hàng trong đó có HABUBANK đang phải đối mặt, HĐQT quyết định ưu tiên đảm bảo an toàn trong hoạt động và đối phó với những diễn biến xấu của thị trường đồng thời củng cố nguồn lực cả về tài chính lẫn con người để chuẩn bị cho năm 2011. Kết quả lợi nhuận trước thuế của HABUBANK đạt 602 tỷ đồng - đạt kế hoạch đã đề ra.

9. Công nghệ:

Xác định công nghệ là một yếu tố ảnh hưởng đặc biệt quan trọng đến an toàn và phát triển của ngân hàng, HABUBANK là một trong những ngân hàng đầu tiên đi tiên phong trong việc thực hiện quản lý dữ liệu tập trung và nối mạng online toàn hệ thống (từ 2001). Hiện nay, HABUBANK đang sử dụng hệ thống phần mềm quản trị FLEXCUBE, do IFLEX cung cấp. Trong năm 2010, Ngân hàng tập trung hoàn thiện và mở rộng các ứng dụng của phần mềm trong công tác quản lý: hệ thống chấm điểm tín dụng, hệ thống quản lý rủi ro thị trường và điều chuyển vốn nội bộ, quản trị văn thư, quản lý tài sản, nhân sự, cổ đông, các chương trình chăm sóc khách hàng thường xuyên và các sản phẩm - dịch vụ chương trình khuyến mại.

10. Hoạt động PR - Marketing:

Nhiệm vụ của hoạt động PR - Marketing là quản lý các thông tin liên quan đến Ngân hàng trên các phương tiện thông tin đại chúng, đưa các thông tin của HABUBANK đến với khách hàng và các nhà đầu tư, tăng cường sự nhận biết của khách hàng đối với Ngân hàng và các sản phẩm nhằm nâng cao uy tín và vị thế của ngân hàng trên thị trường, thúc đẩy hoạt động bán hàng. Sau khi HABUBANK chính thức niêm yết trên thị trường chứng khoán, nhiệm vụ của hoạt động PR và Marketing càng trở nên quan trọng. Trong năm 2010, Ngân hàng đã hoàn thiện và đưa vào sử dụng website mới, tổ chức 2 đợt roadshow giới thiệu về HABUBANK và cơ hội đầu tư tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, tăng cường sự hiện diện của Ngân hàng trên các phương tiện thông đại chúng, đặc biệt là truyền hình và mạng internet, tổ chức thành công các đợt khuyến mại lớn toàn hàng nhằm thu hút thêm khách hàng mới. Phòng Quan hệ Cổ đông được thành lập nhằm tăng cường mối quan hệ giữa cổ đông và Ngân hàng, đồng thời chủ động tìm kiếm những cơ hội đầu tư tiềm năng mới.



11. Hoạt động cộng đồng:

HABUBANK chủ trương sự phát triển của Ngân hàng phải luôn gắn liền với trách nhiệm xã hội thông qua các hoạt động về bảo vệ môi trường, từ thiện, hướng tới cộng đồng, vì một xã hội lành mạnh, phát triển bền vững.

Đối với môi trường, HABUBANK cam kết không tài trợ vốn cho các dự án ảnh hưởng đến môi trường và đời sống xã hội.

Hàng năm, HABUBANK cũng thường xuyên đóng góp cho các chương trình, hoạt động từ thiện hướng đến cộng đồng: tài trợ cho các sự kiện văn hóa xã hội, tổ chức quyên góp, trao tặng tiền và quà cho nhân dân của các vùng bị thiệt hại do thiên tai, tặng quà cho các cá nhân gia đình khó khăn, bệnh nặng, người già cô đơn. Cụ thể, trong năm 2010, Ngân hàng đã tham gia :

- Tài trợ một phần cho con đường Gốm sứ, góp phần làm đẹp cho thủ đô Hà Nội nhân dịp kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long;
- Tham gia cuộc chạy vì trẻ em bị bệnh hiểm nghèo ở Hà Nội (Terry Fox) do Đại sứ quán và Phòng thương mại Canada tại Việt Nam tổ chức;
- Tham gia tặng 400 suất quà cứu trợ cho đồng bào bị bão lụt tại Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị;
- Tặng hơn 400 suất quà cho các hộ gia đình nghèo tại Bắc Giang, Hải Phòng;
- Tham gia hiến máu nhân đạo, hưởng ứng chương trình “Ngày chủ nhật đỏ”;
- Tặng sổ tiết kiệm cho người nghèo và các gia đình chính sách tại địa phương nơi HABUBANK có trụ sở.

Bên cạnh nguồn tài trợ của Ngân hàng, Công đoàn kết hợp với Đoàn thanh niên đặt các thùng quyên góp tại các điểm giao dịch của HABUBANK, phát động các phong trào quyên góp cho hoạt động từ thiện trong nội bộ Ngân hàng và kết hợp với đối tác, kêu gọi mọi người cùng tham gia các hoạt động tình nguyện... nhằm nâng cao và lan tỏa truyền thống “lá lành đùm lá rách” để ngày càng có nhiều người cùng đồng tâm, góp sức vì một xã hội phát triển và nhân văn.



12. Hoạt động đối ngoại với Nhà đầu tư:

Trong quý IV/2010, để chuẩn bị cho việc niêm yết cổ phiếu trên HNX, HABUBANK đã tổ chức 2 buổi Hội thảo nhà đầu tư (Roadshows), một tại Hà Nội và một tại Thành phố Hồ Chí Minh nhằm giới thiệu và cập nhật tới nhà đầu tư và đối tác về tình hình quản trị và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng cũng như kế hoạch phát triển của Ngân hàng trong những năm tới. Thông qua các buổi hội thảo, các nhà đầu tư đã chất vấn tìm hiểu sâu hơn đồng thời có những đóng góp quý báu cho sự phát triển của Ngân hàng.

Ngoài việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin theo quy định của pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng, các nhà đầu tư có thể tìm hiểu các thông tin cập nhật về tình hình hoạt động của HABUBANK tại trang web của Ngân hàng theo địa chỉ www.habubank.com.vn.





Thông tin

Về công ty trực thuộc

HABUBANK

SECURITIES

Thông tin về công ty trực thuộc

■ Danh sách công ty trực thuộc

TÊN CÔNG TY	THÀNH LẬP THEO ĐĂNG KÝ KINH DOANH SỐ	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG	TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA NGÂN HÀNG
Công ty Chứng khoán Ngân hàng Nhà Hà Nội	Đăng ký kinh doanh số 0104000254 ngày 03 tháng 11 năm 2005 do Sở kế hoạch Đầu tư Hà Nội cấp; Giấy phép hoạt động số 14/UBCK-GPHĐKD ngày 01 tháng 11 năm 2005 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.	Kinh doanh chứng khoán	100%

■ HABUBANK SECURITIES - Ổn định trước sóng gió thị trường

Trái với dự báo vào thời điểm cuối năm 2009, thực tế năm 2010 đã chứng minh là một năm khá khó khăn cho các doanh nghiệp nói chung và các Công ty chứng khoán nói riêng. Tâm lý chán nản bao trùm thị trường chứng khoán Việt Nam với những phiên giảm điểm liên tiếp của cả hai chỉ số VnIndex và Hnx Index. Nhiều nhà đầu tư đã tính đến chuyện rút vốn khỏi thị trường chứng khoán để chuyển sang các kênh đầu tư khác như bất động sản, vàng và ngoại tệ.

Trong bối cảnh chung khá u ám đó, nhiều Công ty chứng khoán đã phải tìm mọi cách để cắt giảm chi phí như đóng cửa địa điểm giao dịch, rút bớt nghiệp vụ kinh doanh... Kết quả kinh doanh cuối năm của các Công ty chứng khoán tuy đã khả quan hơn năm trước, có 20 trên tổng số hơn 100 Công ty chứng khoán báo lỗ, con số này năm trước là 60 công ty nhưng đối với các Công ty chứng khoán có lãi thì năm 2010 là một năm thực sự khó khăn mới đạt được lợi nhuận dương.

Trong năm 2010, Công ty chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội (HBBS), vẫn giữ ổn định được hoạt động kinh doanh với tổng lợi nhuận trước thuế tính đến thời điểm 31/12/2010 là hơn 126 tỷ đồng, doanh thu thuần cả năm đạt hơn 175 tỷ đồng, vượt xa so với kế hoạch đặt ra từ đầu năm. Hai mảng nghiệp vụ chính là Môi giới và Tư vấn tài chính doanh nghiệp luôn duy trì được lượng khách hàng truyền thống cũng như tìm kiếm các khách hàng mới tạo nên một nguồn doanh thu lớn và ổn định cho Công ty.

Điểm nhấn về hoạt động tư vấn của HBBS trong năm qua chính là việc tư vấn thành công đưa cổ phiếu HBB niêm yết tại sàn HNX kể từ ngày 23/11/2010, tạo nên sự đổi mới cả về diện mạo và chất lượng trong hoạt động của Ngân hàng mẹ.

Bước sang năm 2011, HBBS chủ trương tập trung vào việc tiếp tục hoàn thiện các gói sản phẩm dịch vụ thông qua việc không ngừng nghiên cứu nắm bắt và đón đầu các nhu cầu thiết thực của khách hàng, chính thức đưa hệ thống công nghệ thông tin mới, hiện đại với các tính năng ưu việt, hữu ích cho khách hàng và có những chính sách nhân sự hợp lý thu hút nhân tài đồng thời đặt ra kế hoạch nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng tài chính một cách hữu hiệu nhằm tiếp tục khẳng định vị thế vững chắc trên thị trường chứng khoán, góp phần tích cực vào phát triển thị trường tài chính Việt Nam.



Công tác Quản trị Rủi ro HABUBANK

“ Kinh doanh ngân hàng là kinh doanh rủi ro, do đó, để đảm bảo an toàn và hiệu quả hoạt động, công tác quản trị rủi ro luôn là một nhiệm vụ quan trọng, đặc biệt là trong tình hình thị trường có nhiều biến động như thời gian vừa qua. Với sự hỗ trợ của cổ đông chiến lược, Deutsche Bank AG, trong 3 năm qua, HABUBANK đã tập trung hoàn thiện hạ tầng quản trị rủi ro của Ngân hàng trong khuôn khổ các dự án chuyển giao kiến thức của Deutsche Bank. Đến cuối năm 2010, các dự án này đã cơ bản hoàn thành và đạt được các kết quả tốt, góp phần nâng cao hiệu công tác quản lý và đưa hoạt động của Ngân hàng ngày càng trở nên bài bản hơn. ”

Công tác Quản trị Rủi ro

Kinh doanh ngân hàng là kinh doanh rủi ro, do đó, để đảm bảo an toàn và hiệu quả hoạt động, công tác quản trị rủi ro luôn là một nhiệm vụ quan trọng, đặc biệt là trong tình hình thị trường với nhiều biến động như thời gian vừa qua. Với sự hỗ trợ của cổ đông chiến lược, Deutsche Bank AG, trong 3 năm qua, HABUBANK đã tập trung hoàn thiện hạ tầng quản trị rủi ro của Ngân hàng trong khuôn khổ các dự án chuyển giao kiến thức của Deutsche Bank. Đến cuối năm 2010, các dự án này đã cơ bản hoàn thành và đạt được các kết quả tốt, góp phần nâng cao hiệu công tác quản lý và đưa hoạt động của Ngân hàng ngày càng trở nên bài bản hơn.

■ Quản trị Rủi ro Thị trường và Thanh khoản

Rủi ro thị trường: Để ứng phó với những rủi ro đến từ lãi suất và tỷ giá, HABUBANK đã thành lập Ban quản lý rủi ro thị trường với mục tiêu tiến hành nghiên cứu thị trường để xây dựng các chính sách, quy trình, hạn mức, tỷ lệ về rủi ro thị trường nhằm đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước, phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế và mục tiêu quản trị rủi ro của HABUBANK.

Tại HABUBANK, rủi ro lãi suất được kiểm soát bằng một cơ chế nhất quán và xuyên suốt toàn hàng từ việc chuẩn bị cơ sở hạ tầng đến cơ cấu tổ chức. Những phân tích trong các báo cáo về rủi ro do các chuyên viên quản trị rủi ro của HABUBANK tập hợp đã giúp HABUBANK chủ động hơn và kịp thời nhận biết cũng như kiểm soát, đối phó với các rủi ro.

Ủy ban quản trị rủi ro được thành lập đã phát huy hết vai trò và nhiệm vụ của mình trong việc đảm bảo an toàn, hiệu quả trong hoạt động huy động cũng như sử dụng vốn.

Rủi ro thanh khoản: Chính sách quản trị rủi ro thanh khoản của HABUBANK được xây dựng dựa trên những quy định và yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước nhằm phù hợp với các kỳ hạn của tài sản và các khoản nợ của Ngân hàng. Dựa trên cơ sở hạ tầng dữ liệu, cải tiến công nghệ, kinh nghiệm của đội ngũ nhân sự, HABUBANK đã, đang và tiếp tục hoàn thiện một cơ chế quản lý rủi ro thanh khoản mới, phù hợp với những chuẩn mực về quản lý rủi ro thanh khoản ở các ngân hàng quốc tế.

■ Quản trị Rủi ro Tín dụng

Ngân hàng là một trung gian tài chính có vai trò quan trọng thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế thông qua việc đáp ứng nhu cầu vốn của các tổ chức kinh tế, cá nhân,... Do đặc thù kinh doanh trong lĩnh vực nhạy cảm chịu tác động của các yếu tố khách quan và chủ quan, nên hoạt động của ngân hàng tiềm ẩn nhiều loại rủi ro khác nhau như rủi ro lãi suất, rủi ro thanh khoản, rủi ro tín dụng,... Trong đó, rủi ro trong hoạt động tín dụng là loại rủi ro phức tạp và ảnh hưởng lớn đến sự phát triển bền vững của ngân hàng. HABUBANK kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập hạn mức tương ứng với mức độ rủi ro mà Ngân hàng có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng cũng như mỗi lĩnh vực, ngành nghề.

Nguyên tắc nhất quán được áp dụng trong hoạt động quản trị rủi ro tín dụng của HABUBANK là tăng trưởng tín dụng hợp lý, phù hợp với quy mô vốn chủ sở hữu để đảm bảo chất lượng tín dụng và tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu bằng 8% tại mọi thời điểm.

Có thể nói, trong năm 2010 Ngân hàng đã đạt một số thành tựu nhất định trong hoạt động quản trị rủi ro tín dụng, cụ thể như sau:

- Cơ bản hoàn thành việc tái cấu trúc lại hệ thống quản lý tín dụng theo hướng tập trung, chuyên môn hóa trong các công tác đánh giá phê duyệt tín dụng, định giá và quản lý tài sản đảm bảo của khách hàng, hành chính tín dụng và quản lý giải ngân;
- Nâng cấp hệ thống chấm điểm tín dụng nhằm làm cơ sở đánh giá xét duyệt khoản vay và đo lường rủi ro của khoản vay;

- Thành lập Phòng Chính sách tín dụng chịu trách nhiệm tham mưu cho các cấp lãnh đạo về chính sách tín dụng và danh mục tín dụng phù hợp cho từng thời kỳ;
- Hoạt động tín dụng tăng trưởng ổn định, tăng cường kiểm soát sau cho vay, đảm bảo sử dụng vốn đúng mục đích và chất lượng tín dụng. Tỷ lệ nợ quá hạn của Ngân hàng luôn trong tầm kiểm soát và thấp hơn mức quy định của Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam và trích lập dự phòng đầy đủ nhằm đảm bảo an toàn cho hoạt động.

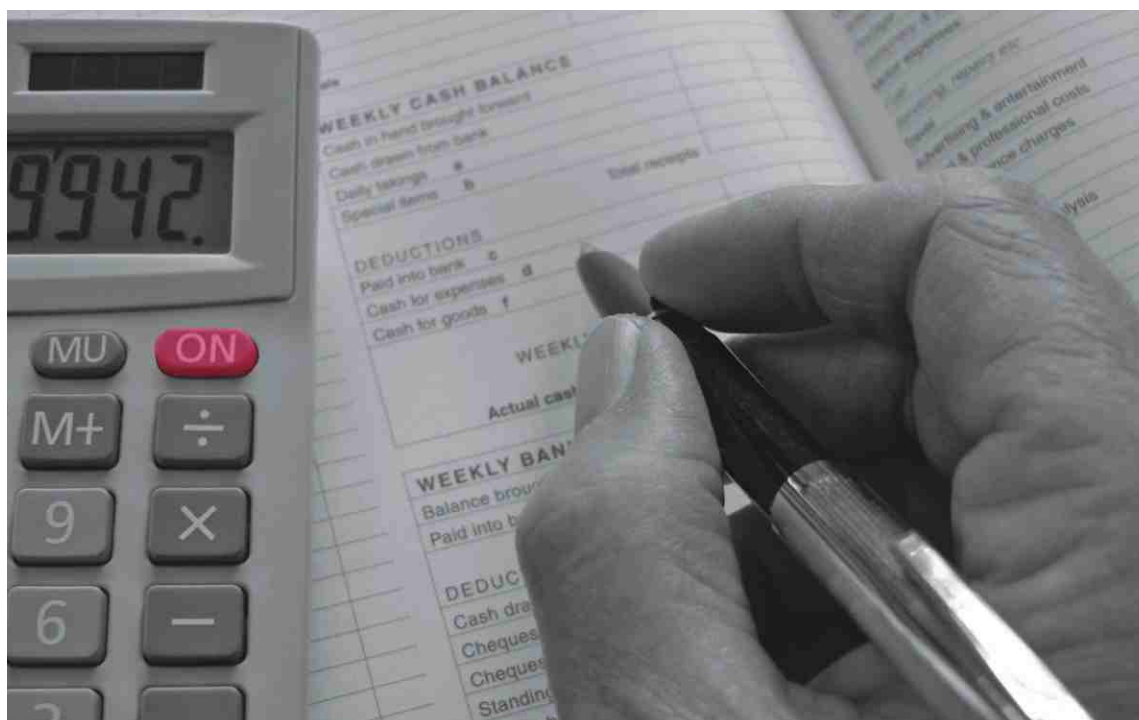
Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới đang khủng hoảng nói chung và tình hình phát triển của nền kinh tế Việt Nam, HABUBANK đang xây dựng lộ trình tiếp cận phương pháp quản trị rủi ro tín dụng tiên tiến trên thế giới theo chuẩn quốc tế - hiệp ước Basel II để đạt mục tiêu phát triển bền vững trong tương lai.

Hướng đến năm 2011, HABUBANK sẽ tiếp tục phấn đấu là ngân hàng hàng đầu của Việt Nam và được các tổ chức uy tín trên thế giới bình chọn là ngân hàng tiêu biểu.

■ Quản trị Rủi ro Hoạt động

Năm 2010, HABUBANK đã phát triển hệ thống quản trị rủi ro hoạt động theo tiêu chuẩn quốc tế với đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm và được đào tạo bài bản, nhờ đó đạt được một số thành tựu nhất định:

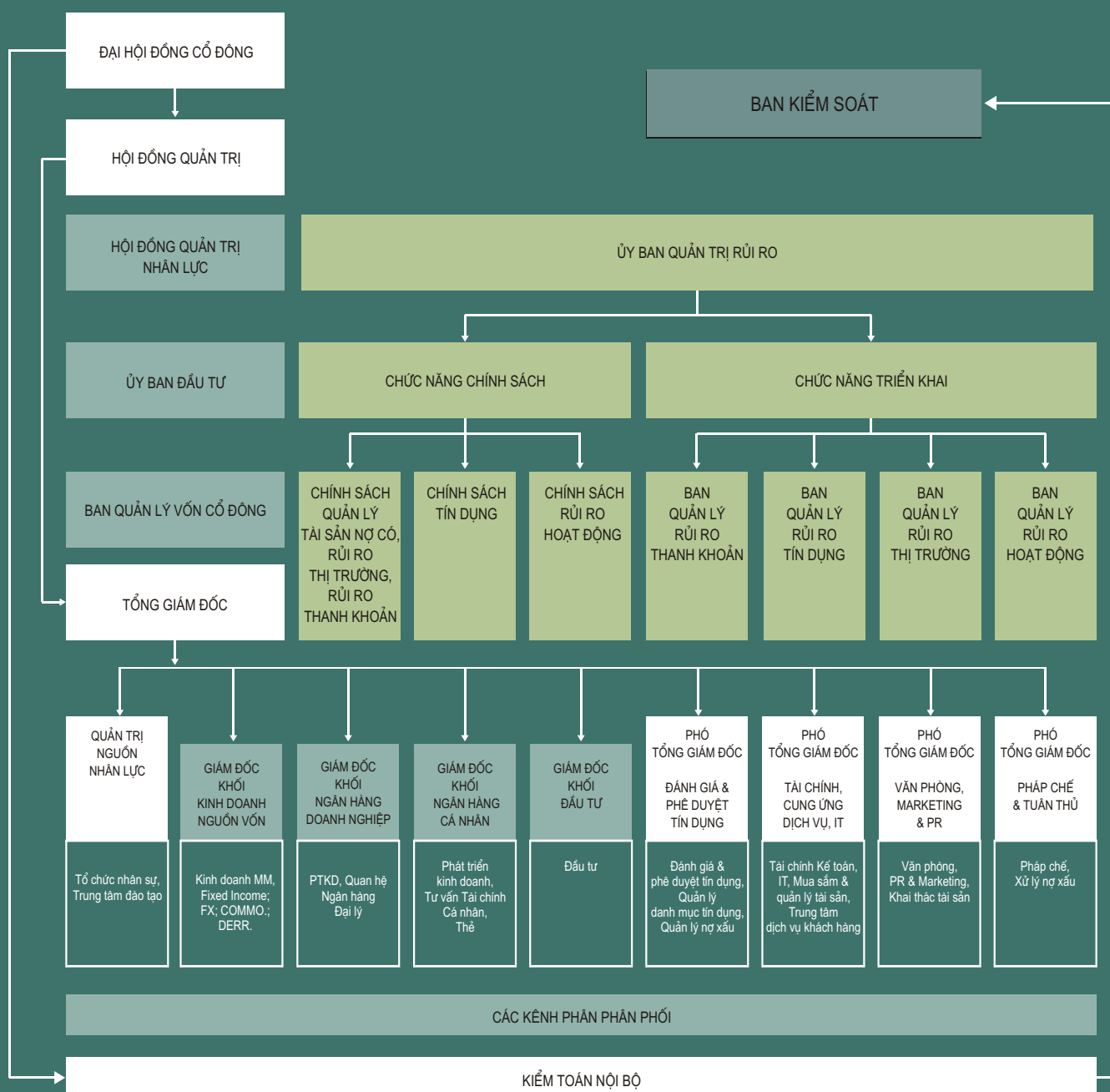
- Hoàn thiện và chuẩn hóa bộ quy trình các nghiệp vụ chính của từng đơn vị thuộc HABUBANK;
- Xây dựng bộ chỉ số hoạt động chính (KPI) của các đơn vị nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của từng cá nhân, đơn vị trong hệ thống HABUBANK đồng thời xác định các chỉ số rủi ro chính (KRI) nhằm xây dựng các ngưỡng rủi ro, đo lường rủi ro, phân loại rủi ro theo mức độ tổn thất để xây dựng biện pháp phòng ngừa rủi ro thích ứng;
- Xây dựng và triển khai nội dung quản trị kinh doanh liên tục (BCM) giúp HABUBANK sẵn sàng đối phó với các tình huống bất khả kháng có thể xảy ra (hỏa hoạn, lũ lụt, khủng bố...).





Công tác Quản trị Điều hành HABUBANK

■ Cơ cấu Tổ chức



■ Hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị HABUBANK có 6 thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT giữ vai trò định hướng chiến lược, kế hoạch hoạt động hàng năm; chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ngân hàng thông qua Ban điều hành và các Ủy ban. Nhiệm kỳ của các thành viên Hội đồng quản trị là 5 năm.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát HABUBANK gồm 3 thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của Ngân hàng; giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, kế toán; hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của Ngân hàng; thẩm định báo cáo tài chính hàng năm; báo cáo cho ĐHĐCĐ tính chính xác, trung thực, hợp pháp về báo cáo tài chính của Ngân hàng. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát là 5 năm.

Các Ban, Ủy ban, Hội đồng

Các Ủy ban do HĐQT thành lập, làm tham mưu cho HĐQT trong việc quản trị Ngân hàng, thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh; đảm bảo sự phát triển hiệu quả, an toàn và đúng mục tiêu đã đề ra. Hiện nay, Ngân hàng có các Ủy ban sau:

Ủy ban quản trị rủi ro

Ủy ban quản trị rủi ro là Ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị HABUBANK, có chức năng tham mưu cho Hội đồng quản trị về việc xây dựng và triển khai chính sách quản trị rủi ro trong hệ thống HABUBANK. Ủy ban quản trị rủi ro thực hiện các chính sách sau:

- Nghiên cứu, tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc ban hành và sửa đổi, bổ sung các quy trình, chính sách, hệ thống để nhận biết và kiểm soát toàn diện các rủi ro trong quá trình hoạt động của HABUBANK (tập trung và rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro tín dụng và rủi ro hoạt động).
- Chỉ đạo và triển khai các chính sách quản trị rủi ro trong toàn hệ thống HABUBANK.
- Ra soát hoạt động của bộ máy điều hành và các đơn vị trực thuộc HABUBANK trong việc thực hiện chính sách về quản trị rủi ro.

Ủy ban Đầu tư

Ủy Ban Đầu tư quyết định chính sách và danh mục đầu tư của HABUBANK trong từng thời kỳ. Tư vấn cho Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc HABUBANK trong việc phê duyệt các khoản đầu tư (i) có tính chiến lược (đầu tư góp vốn để trở thành cổ đông chiến lược hoặc đầu tư theo định hướng chiến lược ...) và (ii) giá trị đầu tư vượt quy định theo quy chế.

Hội đồng quản trị nhân lực

Hội đồng quản trị nhân lực có trách nhiệm (i) Tham mưu cho HĐQT HABUBANK trong việc hoạch định chiến lược duy trì và phát triển nguồn nhân lực phù hợp với chiến lược phát triển chung của Ngân hàng; (ii) Tham gia xây dựng chính sách nhân sự đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của Ngân hàng trong từng thời kỳ; (iii) Quyết định các vấn đề nhân sự trong quá trình thực thi chiến lược và chính sách nhân sự của Ngân hàng.

Ban quản lý rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản

Ban quản lý rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản là đơn vị trực thuộc Ủy ban quản trị rủi ro, có chức năng phối hợp với các đơn vị trong hệ thống ngân hàng để quản lý rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản trên toàn hệ thống HABUBANK.

Ban xét duyệt tín dụng

Ban xét duyệt tín dụng là đơn vị trực thuộc Ủy ban quản trị rủi ro tín dụng, có chức năng tham mưu cho Hội đồng quản trị, Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc xét duyệt cấp tín dụng phù hợp với thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của mình. Ban xét duyệt tín dụng chịu trách nhiệm trước cấp có thẩm quyền về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của Ngân hàng.

Ban quản trị rủi ro hoạt động

Ban quản trị rủi ro hoạt động là đơn vị trực thuộc Ủy ban quản trị rủi ro của ngân hàng, có chức năng quản trị và tham mưu cho Ủy ban quản trị rủi ro xử lý các vấn đề liên quan đến rủi ro hoạt động trong toàn hệ thống HABUBANK. Ban quản trị rủi ro hoạt động có

chức năng phối hợp với các đơn vị trong toàn hệ thống HABUBANK để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Ngân hàng.

■ Chính sách Nhân sự

Ngay từ buổi đầu mới thành lập, Ban lãnh đạo HABUBANK đã khẳng định: Con người là tài sản quý giá nhất và quyết định sự thành bại của mỗi doanh nghiệp. Xuất phát từ quan điểm đó, Ban lãnh đạo HABUBANK đã kiên trì theo đuổi chính sách nhân sự “lấy con người làm trọng tâm” để xây dựng và củng cố một lực lượng nhân viên chuyên nghiệp - tận tụy.

Cùng với việc mở rộng mạng lưới và quy mô nguồn nhân lực, năm 2010, HABUBANK thay đổi cơ cấu tổ chức theo các kênh bán hàng chuyên trách. Chính vì vậy, số lượng nhân viên HABUBANK không ngừng tăng nhanh với 1.464 cán bộ, tăng 33% so với năm 2009. Ngân hàng cũng tiến hành trẻ hóa đội ngũ nhân sự nhằm khuyến khích sự sáng tạo, năng động, linh hoạt. Số lượng nhân viên trẻ (dưới 35 tuổi) chiếm 88% tổng số lượng cán bộ nhân viên HABUBANK, trong đó nhiều cán bộ trẻ đang giữ vị trí quản lý trung và sơ cấp.

Để tạo động lực cho nhân viên làm việc và công bằng trong đánh giá kết quả và trả lương, trong năm 2010, HABUBANK đã tiến hành hệ thống lại các chức danh, hoàn thiện bản mô tả cho từng vị trí, xây dựng bộ chỉ số đánh giá cho các vị trí công việc, đặc biệt là khối kinh doanh trực tiếp, làm cơ sở triển khai chính sách lương mới trong năm 2011: gắn thu nhập của nhân viên với kết quả công việc và kế hoạch được giao. Đây sẽ là một bước tiến quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, năng suất làm việc, tạo sự công bằng và động lực làm việc cho nhân viên.

Trong năm qua HABUBANK không ngừng hoàn thiện chính sách nhân sự, đảm bảo quyền lợi chính đáng cho cán bộ nhân viên. Tất cả cán bộ nhân viên chính thức của HABUBANK đều được hưởng các trợ cấp xã hội phù hợp với Luật Lao động, được hưởng chế độ khám sức khỏe định kỳ hàng năm một lần và được tiêm phòng viêm gan B, phòng cúm miễn phí. Trong năm 2010, HABUBANK đồng loạt điều chỉnh lương cho toàn bộ cán bộ nhân viên Ngân hàng đồng thời xây dựng cơ chế lương kinh doanh mới áp dụng trong năm 2011 theo chỉ số đánh giá thực hiện công việc (KPI) nhằm đảm bảo tính công bằng và tạo động lực cho cán bộ. Năm 2010, tổng thu nhập bình quân/tháng của mỗi nhân viên HABUBANK là 10,15 triệu đồng, tăng 3,8% so với năm 2009.

Để nâng cao chất lượng và giúp cán bộ nhân viên phát huy hết năng lực chuyên môn của mình, HABUBANK đặc biệt quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực. Trong năm 2010, 3.187 lượt cán bộ ngân hàng đã tham gia 142 khóa học đào tạo chuyên sâu trong nước hoặc tham gia hội thảo, tu nghiệp ở nước ngoài về nghiệp vụ chuyên môn và kỹ năng phù hợp với chức năng công việc. HABUBANK thường xuyên phối hợp với các tổ chức, đơn vị có uy tín như Trung tâm đào tạo Học viện Ngân hàng, Đại học Kinh tế quốc dân, Bộ Tài chính, Viện Công nghệ tin học KarRox, Ngân hàng nhà nước, Hiệp hội ngân hàng, IPMac, Trung tâm đào tạo ủy ban Chứng khoán Nhà nước... trong lĩnh vực đào tạo phát triển nhân lực chất lượng cao.

Việc chăm lo phát triển nguồn nhân lực cũng như đảm bảo chính sách phúc lợi cho cán bộ nhân viên luôn là những ưu tiên hàng đầu của Ban điều hành HABUBANK. Điều đó thể hiện chiến lược hoàn thiện nguồn lực con người để phục vụ mục tiêu phát triển bền vững của Ngân hàng.

■ Cơ chế trả thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát

HABUBANK trả thù lao và các khoản phụ cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát dựa trên năng lực, kinh nghiệm và nhiệm vụ thực tiễn của từng người. Năm 2010, tổng mức thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn ở mức không vượt quá 350 triệu đồng/tháng.

■ Thay đổi Nhân sự chủ chốt trong năm

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
01	Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2010



HABUBANK
Thông tin
Cổ đông

Vốn điều lệ
3.000
Tỷ VND

Thông tin cổ đông

Vốn điều lệ

VỐN ĐIỀU LỆ ĐẦU KỲ (01/01/2010)	VỐN ĐIỀU LỆ TĂNG TRONG KỲ (THỜI GIAN)	VỐN ĐIỀU LỆ CUỐI KỲ (31/12/2010)
3.000 tỷ Đồng		3.000 tỷ Đồng

Số lượng cổ đông

SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG ĐẦU KỲ	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG TĂNG TRONG KỲ	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG GIẢM TRONG KỲ	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG CUỐI KỲ
2.685	4.163	0	6.821
Trong đó: 94 cổ đông là tổ chức	9	0	Trong đó: 103 cổ đông là tổ chức

Cơ cấu cổ đông

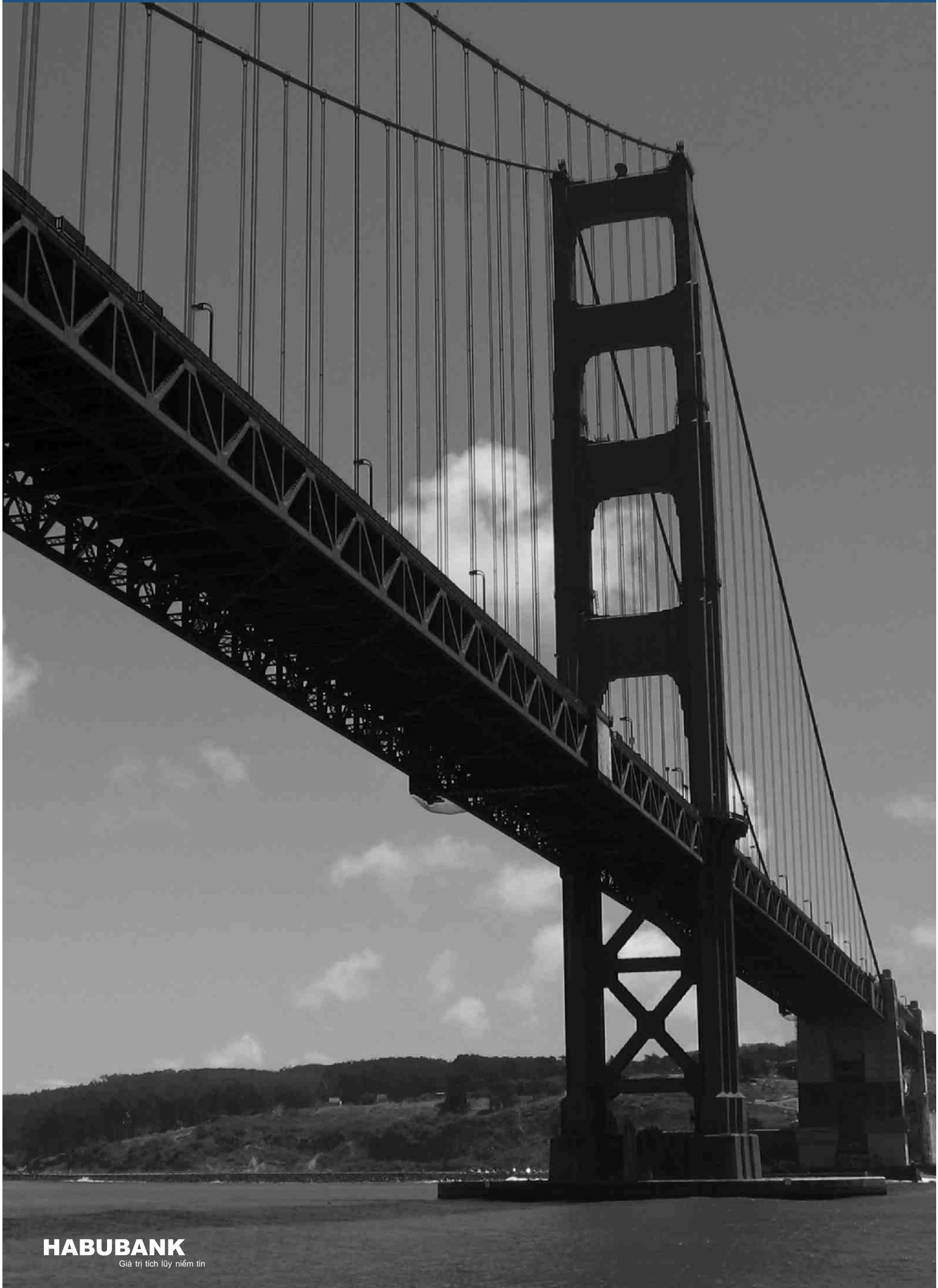
STT	HỌ TÊN	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU ĐẦU KỲ	PHÁT SINH TRONG KỲ		SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU CUỐI KỲ
			Tăng	Giảm	
I	CỔ ĐÔNG LÀ PHÁP NHÂN				
1	Pháp nhân nước ngoài	30.000.000			30.000.000
2	Pháp nhân trong nước	133.499.028		31.136.402	102.362.626
II	CỔ ĐÔNG LÀ THỂ NHÂN				
1	Thể nhân trong nước	136.500.972	30.907.302		167.408.274
2	Thể nhân nước ngoài	0	229.100		229.100
	Tổng cộng	300.000.000			300.000.000

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SỐ ĐĂNG KÝ KINH DOANH	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ/VỐN ĐIỀU LỆ
1	Ngân hàng Deutsche Bank Aktiengesellschaft	Taunusanlage 12, 60325 Frankfurt am Main, Đức	HRB 30000, vào sổ đăng ký gần nhất ngày 26/7/2010, tại Tòa án địa phương (Amtsgericht) tại Frankfurt, Đức.	30.000.000	10%

Trong đó

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	NGƯỜI LIÊN QUAN	SỐ CP SỞ HỮU ĐẦU KỲ (01/01/2010)	PHÁT SINH TRONG KỲ		SỐ CP SỞ HỮU CUỐI KỲ (31/12/2010)
					Tăng	Giảm	
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ GỒM:							
01	Ông Nguyễn Văn Bàng	Chủ tịch HĐQT		14.990.000			14.990.000
02			Vương Thị Vân (Vợ)	14.995.000			14.995.000
03			Nguyễn Thị Thanh Bình (Con)	61.064		50.000	11.064
04			Nguyễn Thị Thuý An (Con)	200.965			200.965
05			Nguyễn Tuấn Phong (Con)	1.000.000			1.000.000
06			Dương Văn Nguyên (Anh ruột)	1.002.474		788.000	214.474
07			Nguyễn Thị Minh Hằng (Em ruột)	16.610			16.610
08	Bà Bùi Thị Mai	Phó Chủ tịch HĐQT		246.970			246.970
09			Nguyễn Quý Linh (Con)	62.865			62.865
10	Bà Dương Thu Hà	Thành viên HĐQT		806.394			806.394
11			Dương Văn Nguyên (Cha)	1.002.474		788.000	214.474
12			Phạm Thị Đức (Mẹ)	448.450		448.000	450
13			Dương Thu Hiền (Em ruột)	78.187	457.710		535.897
14	Ông Đỗ Trọng Thắng	Thành viên HĐQT		177.937			177.937
15			Nguyễn Thị Minh Hằng (Vợ)	16.610			16.610
16			Đỗ Minh Trang (Con)	145.280		110.000	35.280
17			Đỗ Minh Huyền (Con)	126.853		90.000	36.853
18	Ông Nguyễn Tuấn Minh	Thành viên HĐQT		148.234			148.234
19	Ông Joseph Paul Longo	Thành viên HĐQT					
20			Deutsche Bank AG (tổ chức có liên quan)	30.000.000			30.000.000
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT GỒM:							
21	Bà Trần Thị Lan Hương	Trưởng BKS		59.674			59.674
22	Bà Trần Thị Hà Giang	Thành viên BKS		15.000			15.000
23	Ông Đinh Đức Tuấn	Thành viên BKS		331.902			331.902
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT GỒM:							
24	Bà Bùi Thị Mai	Tổng Giám đốc		246.970			246.970
25			Nguyễn Quý Linh (Con)	62.865			62.865
26	Ông Đỗ Trọng Thắng	Phó Tổng Giám đốc		177.937			177.937
27			Nguyễn Thị Minh Hằng (Vợ)	16.610			16.610
28			Đỗ Minh Trang (Con)	145.280		110.000	35.280
29			Đỗ Minh Huyền (Con)	126.853		90.000	36.853
30	Ông Nguyễn Tuấn Minh	Phó Tổng Giám đốc		148.234			148.234
31	Bà Lê Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc		120.836			120.836
32	Bà Nguyễn Dự Hương	Phó Tổng Giám đốc					
33			Trần Bình An (Con)	10.714			10.714
34	Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Phó Tổng Giám đốc		28.498		28.498	0



Báo cáo
Tài chính
năm 2010

Báo cáo tài chính năm 2010

■ Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội (được gọi tắt là “Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Ngân hàng

Ngân hàng được thành lập từ năm 1989 theo Quyết định số 6719-QĐ/UB ngày 31 tháng 12 năm 1988 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp Giấy phép Hoạt động số 0020/NH-GP ngày 6 tháng 6 năm 1992, có thời hạn 99 năm.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại 15-17 Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam. Vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, một (1) Sở giao dịch, mười tám (18) chi nhánh, bốn mươi bảy (47) phòng giao dịch và bốn (4) Quỹ tiết kiệm tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

Ngân hàng có một công ty con là Công ty Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội, với tỷ lệ sở hữu 100%.

Kết quả hoạt động kinh doanh và cổ tức

Tóm tắt về kết quả kinh doanh và chi trả cổ tức của Ngân hàng và công ty con như sau:

	Năm nay (triệu đồng)	Năm trước (triệu đồng)
Lợi nhuận thuần trong năm	476.321	407.547
Cổ tức tạm ứng công bố trong năm	(180.000)	(280.000)
Lợi nhuận để lại cuối năm	369.141	130.160

Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Vào ngày 14 tháng 1 năm 2011, Ngân hàng đã có thông báo về việc trả cổ tức đợt hai năm 2010. Theo thông báo, tỷ lệ cổ tức lần 2 là 6% (tương đương 600 đồng/cổ phiếu) và 28 tháng 1 năm 2011 là ngày chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức.

Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm tài chính 2010 và cho tới thời điểm lập các báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Bằng	Chủ tịch	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Bà Bùi Thị Mai	Phó Chủ tịch	Được bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Ông Đỗ Trọng Thắng	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Bà Dương Thu Hà	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Ông Joseph Paul Longo	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009

Ban kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính 2010 và cho tới thời điểm lập các báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Trần Thị Lan Hương	Trưởng ban	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Bà Trần Thị Hà Giang	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Ông Đinh Đức Tuấn	Thành viên	Được bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc với các báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Điều hành của Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho năm tài chính 2010 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành của Ngân hàng:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập các báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành của Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Ngân hàng và công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Điều hành của Ngân hàng cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành của Ngân hàng đã cam kết với Hội đồng Quản trị rằng Ngân hàng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định có liên quan của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Bà Bùi Thị Mai
Phó Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 01 năm 2011

■ Báo cáo kiểm toán độc lập

Số tham chiếu: 60755044/14681553

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội (“Ngân hàng”) và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh đi kèm như được trình bày từ trang 4 đến trang 64 (“các báo cáo tài chính hợp nhất”). Việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng và các công ty con, xét trên các khía cạnh trọng yếu, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.



Ernst & Young Vietnam W.
Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

W. Tấn Hoàng Văn

Võ Tấn Hoàng Văn
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: 0264/KTV

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 1 năm 2011

H. Thị Hồng Minh

Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: 0761/KTV

■ Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

	31/12/2010 triệu đồng	31/12/2009 triệu đồng
TÀI SẢN		
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	348.634	177.159
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN")	34.087	237.563
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác	7.692.904	8.619.783
Tiền, vàng gửi tại TCTD khác	7.673.054	8.542.171
Cho vay các TCTD khác	20.000	77.612
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	(150)	-
Chứng khoán kinh doanh	241.113	899.409
Chứng khoán kinh doanh	267.813	916.356
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(26.700)	(16.947)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	5.210
Cho vay khách hàng	18.300.130	13.138.567
Cho vay khách hàng	18.684.558	13.358.406
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(384.428)	(219.839)
Chứng khoán đầu tư	7.427.959	5.268.166
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	3.447.370	3.481.911
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	4.004.518	1.800.774
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(23.929)	(14.519)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	254.284	180.625
Đầu tư vào công ty con	-	-
Vốn góp liên doanh	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	-	-
Đầu tư dài hạn khác	281.959	202.503
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(27.675)	(21.878)
Tài sản cố định	233.008	207.895
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>172.974</i>	<i>180.261</i>
Nguyên giá tài sản cố định	285.613	267.494
Hao mòn tài sản cố định	(112.639)	(87.233)
<i>Tài sản cố định thuê tài chính</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Nguyên giá tài sản cố định	-	-
Hao mòn tài sản cố định	-	-
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>60.034</i>	<i>27.634</i>
Nguyên giá tài sản cố định	86.179	45.899
Hao mòn tài sản cố định	(26.145)	(18.265)
Bất động sản đầu tư	-	-
Nguyên giá bất động sản đầu tư	-	-
Hao mòn bất động sản đầu tư	-	-
Tài sản có khác	3.455.607	506.002
Các khoản phải thu	249.415	168.137
Các khoản lãi, phí phải thu	686.546	315.790
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	-	-
Tài sản Có khác	2.519.646	22.075
<i>Trong đó: Lợi thế thương mại</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	-	-
TỔNG TÀI SẢN	37.987.726	29.240.379

	31/12/2010 triệu đồng	31/12/2009 triệu đồng
NỢ PHẢI TRẢ		
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	2.011.548	2.441.814
Tiền gửi và vay các TCTD khác	10.450.209	7.573.385
Tiền gửi của các TCTD khác	10.313.744	7.573.385
Vay các TCTD khác	136.465	-
Tiền gửi của khách hàng	16.186.048	13.648.467
Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác	17.127	2.439
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	871.574	236.210
Phát hành giấy tờ có giá	3.752.783	1.568.500
Các khoản nợ khác	1.164.985	517.665
Các khoản lãi, phí phải trả	264.827	261.602
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	-	-
Các khoản phải trả và công nợ khác	886.741	237.766
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	13.417	18.297
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	34.454.274	25.988.480
VỐN CHỦ SỞ HỮU		
Vốn và các quỹ	3.533.452	3.251.899
Vốn của TCTD	3.001.455	3.001.455
Vốn điều lệ	3.000.000	3.000.000
Vốn đầu tư XDCCB	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	1.455	1.455
Cổ phiếu quỹ	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Vốn khác	-	-
Quỹ của TCTD	162.856	118.353
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	1.931
Lợi nhuận chưa phân phối/ Lỗ lũy kế	369.141	130.160
Lợi ích của cổ đông thiểu số	-	-
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	37.987.726	29.240.379

■ Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

	31/12/2010 triệu đồng	31/12/2009 triệu đồng
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn		
Bảo lãnh vay vốn		-
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	751.569	696.405
Bảo lãnh khác	1.037.771	1.081.184
	1.789.340	1.777.589
Các cam kết đưa ra		
Cam kết tài trợ cho khách hàng	-	83.800
Cam kết khác	-	-
	-	83.800

Người lập:



Bà Phạm Thị Đông Thành
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Lê Cẩm Tú
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Bùi Thị Mai
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 1 năm 2011

■ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

	2010 triệu đồng	2009 triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	3.059.322	2.408.016
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(2.310.698)	(1.749.422)
Thu nhập lãi thuần	748.624	658.594
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	142.198	122.406
Chi phí hoạt động dịch vụ	(32.064)	(13.105)
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	110.134	109.301
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(14.267)	32.192
Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	90.979	15.159
Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	107.900	51.299
Thu nhập từ hoạt động khác	244.263	29.515
Chi phí hoạt động khác	(28.770)	(2.878)
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	215.493	26.637
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	5.465	9.190
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG	1.264.328	902.372
Chi phí tiền lương	(156.906)	(134.173)
Chi phí khấu hao và khấu trừ	(38.582)	(35.138)
Chi phí hoạt động khác	(191.456)	(170.585)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	(386.944)	(339.896)
LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC CHI		
PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG	877.384	562.476
Chi phí dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(275.437)	(57.626)
Chi phí dự phòng rủi ro cho vay TCTD khác	(150)	-
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	601.797	504.850
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(125.476)	(97.303)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
Chi phí thuế TNDN	(125.476)	(97.303)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	476.321	407.547
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.588	1.406
LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI ĐẦU NĂM	130.160	70.992
Lợi nhuận thuần trong năm	476.321	407.547
LỢI NHUẬN TRƯỚC KHI PHÂN PHỐI	606.481	478.539
Trừ:		
- Trích lập các quỹ dự trữ theo quy định của năm trước	(39.805)	(66.804)
- Tạm trích các quỹ năm nay	(11.402)	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(6.000)	-
- Tạm ứng cổ tức cho năm nay	(180.000)	(280.000)
- Các khoản khác	(133)	(1.575)
LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI CUỐI NĂM	369.141	130.160

Người lập:



Bà Phạm Thị Đông Thành
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Lê Cẩm Tú
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Bùi Thị Mai
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 1 năm 2011

■ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

	2010 triệu đồng	2009 triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	2.688.565	2.351.478
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(2.307.472)	(1.988.062)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	110.134	109.301
Chênh lệch số tiền thực thu/ thực chi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ	135.000	83.202
Thu nhập khác	(24.542)	1.333
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	83.280	200
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(348.360)	(299.907)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	(95.014)	(101.015)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động	241.591	156.530
<i>Những thay đổi về tài sản hoạt động</i>		
(Tăng)/Giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác	978.977	(1.028.455)
(Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán	(1.520.660)	(2.561.116)
(Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	5.210	(5.210)
(Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng	(5.326.152)	(2.842.459)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)	(115.727)	(75.039)
(Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động	(2.492.237)	(128.900)
<i>Những thay đổi về công nợ hoạt động</i>		
Tăng/(Giảm) các khoản nợ Chính phủ và NHNN	(430.266)	2.441.814
Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD	2.876.824	(750.977)
Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả KBNN)	2.537.581	2.566.518
Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)	2.184.284	1.568.500
Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	635.364	(318.496)
Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	14.688	2.439
Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động	602.335	121.710
Chi từ các quỹ của TCTD	-	(1.962)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	191.812	(855.103)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Mua sắm tài sản cố định	(67.786)	(24.717)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	147.556	101
Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	(102.803)	-
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	23.348	94.182
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	5.465	4.663
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	5.780	74.229

	2010 triệu đồng	2009 triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tăng vốn điều lệ	-	135.000
Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác	-	-
Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác	-	-
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	(177.345)	(277.289)
Tiền chi ra mua cổ phiếu ngân quỹ	-	-
Tiền thu được do bán cổ phiếu ngân quỹ	-	-
Các khoản khác	-	(1.447)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(177.345)	(143.736)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	20.247	(924.610)
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu kỳ	5.715.145	6.639.755
Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ	5.735.392	5.715.145

Người lập:



Bà Phạm Thị Đông Thành
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Lê Cẩm Tú
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Bùi Thị Mai
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 1 năm 2011

■ Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2010

1. Giới thiệu về Ngân hàng

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội (sau đây được gọi tắt là “Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Thành lập và Hoạt động

Ngân hàng được thành lập từ năm 1989 theo Quyết định số 6719-QĐ/UB ngày 31 tháng 12 năm 1988 của ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp Giấy phép Hoạt động số 0020/NH-GP ngày 6 tháng 6 năm 1992.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Vốn Điều lệ

Vốn điều lệ ban đầu của Ngân hàng là 50.000 triệu đồng và được bổ sung từng thời kỳ theo kế hoạch mở rộng hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Số vốn điều lệ của Ngân hàng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 là 3.000.000 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 3.000.000 triệu đồng).

Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị trong năm tài chính 2010 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Bảng	Chủ tịch	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Bà Bùi Thị Mai	Phó Chủ tịch	Được bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Ông Đỗ Trọng Thắng	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Bà Dương Thu Hà	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Ông Joseph Paul Longo	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009

Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm tài chính 2010 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Bùi Thị Mai	Tổng Giám đốc	Được tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2008
Bà Lê Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2001
Ông Đỗ Trọng Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2002
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2003
Bà Nguyễn Dự Hương	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 03 tháng 10 năm 2005
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2007

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính 2010 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Trần Thị Lan Hương	Trưởng ban	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Bà Trần Thị Hà Giang	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Ông Đinh Đức Tuấn	Thành viên	Được bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009

Trụ sở

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội có trụ sở chính đặt tại 15-17 Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam. Vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, một (1) Sở giao dịch, mười tám (18) chi nhánh, bốn mươi bảy (47) phòng giao dịch và bốn (04) Quỹ tiết kiệm tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Ngân hàng có một (1) công ty con như sau:

Tên Công ty	Quyết định thành lập số	Lĩnh vực Hoạt động	Tỷ lệ % sở hữu của NH
Công ty Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội	Đăng ký kinh doanh số 0104000254 ngày 03 tháng 11 năm 2005 do Sở Kế hoạch Đầu tư Hà Nội cấp; Giấy phép hoạt động số 14/UBCK-GPHĐKD ngày 04 tháng 11 năm 2005 do ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp	Chứng khoán, Thị trường vốn	100%

Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Ngân hàng và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 1.464 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 1.100 người).

2. Các chính sách Kế toán chủ yếu

2.1 Tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các TCTD Việt Nam

Ban Giám đốc Ngân hàng khẳng định các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được lập tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các TCTD Việt Nam.

2.2 Cơ sở lập các báo cáo tài chính hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng được trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam (“triệu đồng” hay “triệu VND”), được lập theo Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/QĐ-NHNN2 ngày 29 tháng 04 năm 2004 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2005 và các quyết định bổ sung, sửa đổi Quyết định 479, Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 04 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam. Bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo

lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh đi kèm cũng như việc sử dụng các báo cáo này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và hơn nữa, những báo cáo này không được lập nhằm thể hiện tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thể chế bên ngoài Việt Nam.

Các hướng dẫn kế toán đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Thông tư này quy định về việc thuyết minh thêm thông tin và ảnh hưởng đến việc trình bày các công cụ tài chính trên các báo cáo tài chính. Hướng dẫn này sẽ có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

2.3 Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Hợp nhất các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Ngân hàng và của công ty con tại ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của công ty con có cùng niên độ lập báo cáo và sử dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán với Ngân hàng.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn.

Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Ngân hàng theo phương pháp hợp nhất toàn phần bắt đầu từ ngày Ngân hàng có quyền kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền, trực tiếp hay gián tiếp, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các đơn vị đó. Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con mới được mua hoặc mới được thanh lý trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất một cách hợp lý tính từ ngày mua hoặc tính đến ngày thanh lý.

2.5 Thay đổi chính sách kế toán

Trong năm 2010, Ngân hàng thực hiện áp dụng Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp, theo đó, các thay đổi sau đã được thực hiện trong chính sách kế toán áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2010:

- Đối với các khoản cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng, Ngân hàng không ghi nhận doanh thu theo mệnh giá mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.
- Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ nghiên cứu và phát triển đào tạo được chuyển sang hạch toán ở nhóm tài khoản phải trả thay vì theo dõi trên nhóm tài khoản vốn chủ sở hữu.

Ngoài ra, trong năm Ngân hàng cũng thực hiện áp dụng Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2010.

Do Thông tư 244/2009/TT-BTC và Thông tư 203/2009/TT-BTC không yêu cầu áp dụng hồi tố, các số liệu so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và năm tài chính kết thúc cùng ngày không bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến việc áp dụng các chính sách kế toán nêu trên.

2.6. Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng

Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

2.7 Dự phòng rủi ro tín dụng

Theo Luật các Tổ chức Tín dụng có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 1998, Luật Sửa đổi và Bổ sung một số điều trong Luật Các Tổ chức Tín dụng có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 2004, Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế cho vay của Tổ chức Tín dụng đối với khách hàng, Quyết định 127/2005/QĐ-NHNN ngày 3 tháng 2 năm 2005 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN, Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 và Quyết định 18/2006/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước về việc Phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng. Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cho vay.

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay khách hàng được tính bằng giá trị còn lại của khoản cho vay trừ giá trị của tài sản bảo đảm đã được chiết khấu theo các tỷ lệ được quy định trong Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2006/QĐ-NHNN.

Dự phòng cụ thể được trích lập trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Các khoản nợ được phân loại là Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn được coi là nợ xấu.

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa được xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp khó khăn về tài chính của các tổ chức tín dụng khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Theo đó, trong vòng 5 năm kể từ tháng 5 năm 2005, Ngân hàng phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ, các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không huỷ ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4.

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, Ngân hàng thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là pháp nhân giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

2.8 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán nợ, chứng khoán vốn, chứng khoán khác được Ngân hàng và công ty con mua hẳn và dự định bán ra trong thời gian ngắn nhằm mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Tiền lãi thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở thực thu.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chứng khoán kinh doanh được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trên khoản mục “Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh”.

2.9 Chứng khoán đầu tư

2.9.1 Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ được Ngân hàng và công ty con mua hẳn với mục đích đầu tư để hưởng lãi suất và Ngân hàng và các công ty con có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị được xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán hẳn trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch, lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá, chiết khấu/ phụ trội (nếu có) của chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Lãi dự thu được tính và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng.

Định kỳ, chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi có giá trị sụt giảm lâu dài. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục “Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư”.

2.9.2 Chứng khoán sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Ngân hàng và công ty con nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi và Ngân hàng và công ty con không phải là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Điều hành.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch, lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá, chiết khấu/ phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Lãi dự thu được tính và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng.

Định kỳ, chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi có giá trị sụt giảm lâu dài. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục “Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư”.

2.10 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản công nợ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua lại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán lại và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

2.11 Đầu tư góp vốn dài hạn khác

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà Ngân hàng và công ty con có dưới 20% quyền biểu quyết và đồng thời Ngân hàng và công ty con là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Điều hành.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Định kỳ, các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi giá thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ đối với các khoản đầu tư chứng khoán và khi có bằng chứng khách quan về việc giảm giá lâu dài đối với các khoản đầu tư góp vốn ban đầu.

Đối với các khoản đầu tư góp vốn ban đầu vào các đơn vị khác, dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập nếu tổ chức kinh tế mà Ngân hàng đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh ban đầu) theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

2.12 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.13 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.14 Khấu hao

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy tính	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 - 7 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 7 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 7 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn (*)	theo thời hạn thuê
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm

(*): Quyền sử dụng đất của Ngân hàng được Nhà nước giao không thời hạn không được trích khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian thuê.

2.15 Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu từ lãi cho vay và chi phí trả lãi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Ngân hàng thực nhận.

Các khoản phí dịch vụ và hoa hồng được hạch toán trên cơ sở thực thu, thực chi.

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Ngân hàng được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Ngân hàng mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

2.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang Việt Nam đồng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay công nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi ngân hàng có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và ngân hàng dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

2.18 Tiền mặt và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương bao gồm tiền mặt, vàng, đá quý, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, tín phiếu chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện chiết khấu với NHNN, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi, cho vay tại các tổ chức tín dụng khác có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và các khoản mục chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua.

2.19 Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ

Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và vì thế không được bao gồm trong các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng.

2.20 Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại và trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào các nhóm quy định tại Điều 6 Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác.

Chi phí dự phòng được hạch toán trên khoản mục “Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và số dư được theo dõi trên khoản mục các khoản nợ khác của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.21 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu khác ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế làm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí hoạt động” trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

2.22 Các hợp đồng phái sinh tiền tệ

2.22.1 Các hợp đồng kỳ hạn, hoán đổi và hợp đồng tương lai ngoại tệ

Đối với các hợp đồng kỳ hạn, hoán đổi và tương lai tiền tệ, chênh lệch giữa giá trị VND của số lượng ngoại tệ cam kết mua / bán tính theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản khoản mục “Công cụ phái sinh tiền tệ và các tài sản tài chính khác” nếu dương hoặc khoản mục công nợ khoản mục “Công cụ phái sinh tiền tệ và các tài sản tài chính khác” nếu âm. Chênh lệch này sau đó được phân bổ tuyến tính vào khoản mục “Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối” trong suốt kỳ hạn của hợp đồng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, cam kết theo các hợp đồng kỳ hạn, hoán đổi và tương lai ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá chính thức do NHNN công bố. Lãi hoặc lỗ do đánh giá lại được hạch toán vào khoản mục “Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối”.

2.22.2 Các hợp đồng quyền chọn ngoại tệ

Giá trị cam kết trong các giao dịch hợp đồng quyền chọn tiền tệ không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán. Phí quyền chọn đã trả hoặc đã nhận được ghi nhận như một khoản phải thu hoặc phải trả và được phân bổ theo đường thẳng vào thu nhập hoặc chi phí trong suốt thời hạn của hợp đồng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, số lãi hoặc lỗ phát sinh nhưng chưa thực hiện của giao dịch mua hoặc bán hợp đồng quyền chọn được xác định và ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, khoản mục “Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối” trên cơ sở giá thị trường, giá gốc của đối tượng quyền chọn, khối lượng giao dịch và thời hạn hiệu lực của hợp đồng.

2.23 Cấn trừ

Tài sản và công nợ tài chính được cấn trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi Ngân hàng và công ty con có quyền hợp pháp để thực hiện việc cấn trừ và Ngân hàng và công ty con dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị ròng, hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

2.24 Sử dụng các ước tính

Việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có thay đổi dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

2.25 Lợi ích của nhân viên

2.25.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng và công ty con khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng và công ty con sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 15% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Ngân hàng và công ty con không phải có một nghĩa vụ nào khác.

Nhân viên Ngân hàng và công ty con khi nghỉ hưu do sắp xếp lại lao động được hưởng trợ cấp một tháng lương cơ bản cho một năm (mười hai tháng) công tác và một phần hai tháng lương cơ bản cho mỗi tháng nghỉ hưu trước tuổi (tối đa bằng 30 tháng), hạch toán vào quỹ trợ cấp mất việc làm của Ngân hàng. Ngoài ra người lao động được trợ cấp 3 tháng lương bằng mức lương hiện hưởng (lấy từ lương dự phòng).

2.25.2 Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

Trợ cấp thôi việc tự nguyện: theo Điều 42 Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 2 tháng 4 năm 2002, Ngân hàng và công ty con có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Mức lương bình quân tháng được sử dụng để chi trả trợ cấp thôi việc sẽ là mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày nghỉ việc.

Trợ cấp mất việc: theo Điều 17 của Bộ Luật Lao động, Ngân hàng và công ty con có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc bằng một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng tổng trợ cấp không thấp hơn hai tháng lương.

Mặc dù nghĩa vụ quy định trong Điều 17 và 42 là bắt buộc, việc thực hiện những nghĩa vụ này còn cần tuân theo hướng dẫn chi tiết của Bộ Tài chính trong các thông tư hướng dẫn thực hiện. Theo Thông tư số 64/1999/TT-BTC ngày 7 tháng 6 năm 1999 và Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính thay thế Thông tư 64, hàng năm Ngân hàng và công ty con phải trích quỹ trợ cấp mất việc làm với mức từ 1% - 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội. Ngoài ra, số dư của quỹ trợ cấp thôi việc đã được trích lập trước đây bằng 5% của lợi nhuận sau thuế theo Thông tư 64 nên được chuyển sang quỹ trợ cấp mất việc cho nhân viên theo Thông tư 82.

Trong năm 2010, Ngân hàng và công ty con đã thực hiện trích lập trợ cấp thôi việc tương đương với 1,00% tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội.

2.25.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư 04/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 01 tháng 01 năm 2010, Ngân hàng có nghĩa vụ đóng mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

